



FROM | sunshine health.
Insured by Celtic Insurance Company

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.SunshineHealth.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Sunshine Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.

Bậc 1A- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1B- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.

Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders					
Amphetamines					
amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG	1B		Anorexiants Non-Amphetamine		
amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1B		Anti-Obesity Agents		
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1B	QL(4 ea daily)	CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1B	QL(4 ea daily)	Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
lisdexamfetamine dimesylate CAPS	1B	QL(1 ea daily); ST	<i>atomoxetine hcl</i> 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>atomoxetine hcl</i> 60 MG, 80 MG, 100 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>clonidine hcl (adhd)</i> TB12	1B	
			<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
			SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
			SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
			Stimulants - Misc.		
			<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
			<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
			<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
methylphenidate hcl CP24 30 MG	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SOLOSEC	3	PA
methylphenidate hcl CPCR	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
methylphenidate hcl SOLN	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	Aminoglycosides		
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	1B	
methylphenidate hcl TABS 5 MG	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	ARIKAYCE	4	PA
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	1B	
methylphenidate hcl TB24 27 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	1B	
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	neomycin sulfate TABS	1B	
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	streptomycin sulfate SOLR	3	
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	1B	
methylphenidate PTCH	1B	QL(1 ea daily); PA	tobramycin NEBU	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
modafinil 100 MG	1B	QL(1 ea daily); PA	ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
modafinil 200 MG	1B	QL(2 ea daily); PA	Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC					
Allergenic Extracts			XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
GRASTEK SUBL	3	PA	XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
AMEBICIDES			XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Amebicides			Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA			
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		ENBREL SOLR	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA	
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST	Analgesic Combinations			
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		
<i>nabumetone</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA	<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen TABS</i>	1B		<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Salicylates			
<i>oxaprozin TABS</i>	1B		<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B		<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>sulindac TABS</i>	1B		<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B		<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B		<i>diflunisal TABS</i>	1B		
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			<i>salsalate</i>	1B		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA	ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA	Opioid Agonists			
Pyrimidine Synthesis Inhibitors						
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)				
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents						
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
codeine sulfate TABS 30 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
fentanyl citrate LPOP	1B	QL(4 ea daily); PA	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
hydrocodone bitartrate T24A	1B	QL(2 ea daily)	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
hydromorphone hcl LIQD	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML	1B		<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
hydromorphone hcl TABS	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
hydromorphone hcl TB24 32 MG	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
HYSINGLA ER T24A	3	QL(2 ea daily)	<i>morphine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
levorphanol tartrate TABS 2 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TABS 15 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	1B		NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
meperidine hcl TABS 50 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
			<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
			<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>ROXYBOND TABA 15 MG, 30 MG</i>	3	QL(12 ea daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG</i>	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>SUBSYS LIQD 100 MCG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>XTAMPZA ER</i>	2	QL(2 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
Opioid Combinations			<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	Opioid Partial Agonists		
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA			
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	1B	QL(3 ea daily)	Rectal Steroids		
buprenorphine hcl SOLN	1B		hydrocortisone (rectal) EX	1B	
buprenorphine hcl SUBL	1B	QL(3 ea daily)	hydrocortisone acetate (rectal)	1B	
buprenorphine PTWK	1B	QL(0.143 ea daily); PA	Vasodilating Agents		
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	1B		RECTIV 0.4 % (nitroglycerin (intra-anal))	3	QL(2 gm daily)
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	1B	QL(0.34 ml daily); PA	ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
nalbuphine hcl	1B	QL(8 ml daily)	Anthelmintics		
pentazocine w/ naloxone hcl	1B	New starts limited to 7 day supply	albendazole	1B	PA
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones			EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Anabolic Steroids			ivermectin	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
oxandrolone	1B		praziquantel	1B	PA
Androgens			ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA	Antianginals-Other		
danazol CAPS	1B		ranolazine TB12 500 MG	1B	QL(3 ea daily)
METHITEST TABS	3		ranolazine TB12 1000 MG	1B	QL(2 ea daily)
testosterone cypionate SOLN IM	1B		Nitrates		
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	1B	
testosterone enanthate SOLN IM	1B		isosorbide mononitrate TABS	1B	
ANOORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching			isosorbide mononitrate TB24	1B	
Intrarectal Steroids			NITRO-BID OINT	3	
budesonide (intrarectal)	4	PA			
hydrocortisone (intrarectal)	1B				
UCERIS (budesonide (intrarectal))	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)	Antiarrhythmics Type I-A					
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B		<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B				
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B		<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B				
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B		<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B				
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety								
Antianxiety Agents - Misc.								
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B		Antiarrhythmics Type I-B					
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A		<i>mexiletine hcl</i>	1B				
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		Antiarrhythmics Type I-C					
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B		<i>flecainide acetate</i>	1B				
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B		<i>propafenone hcl CP12</i>	1B				
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B		<i>propafenone hcl TABS</i>	1B				
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)	Antiarrhythmics Type III					
Benzodiazepines								
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B				
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B				
<i>alprazolam TB24</i>	1B		<i>dofetilide</i>	1B				
<i>alprazolam TBDP</i>	1B		ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions					
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B		Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies					
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B		<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA			
<i>diazepam CONC</i>	1B		<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA			
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B		<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA			
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA			
<i>lorazepam CONC</i>	1B		<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA			
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)	<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA			
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>XOLAIR SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); PA			
<i>oxazepam CAPS</i>	1B		<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); PA			
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms			<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA			
Anti-Inflammatory Agents								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
cromolyn sodium NEBU	1B	QL(8 ml daily)	budesonide (inhalation) SUSP	1B	QL(4 ml daily); PA	
Bronchodilators - Anticholinergics				<i>fluticasone propionate hfa</i>		
ATROVENT HFA	3	Limit 2 inhalers per month; QL(0.44 gm daily)		2	2 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 2 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)	QVAR REDIHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)	Sympathomimetics			
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	
Leukotriene Modulators				<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)	
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)	BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors				BREZTRI AEROSPHERE		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)		2	QL(0.38 gm daily)	
Steroid Inhalants						
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA				
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill	STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	STRIVERDI RESPIMAT	2		
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B		
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B		
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	Xanthines			
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		<i>aminophylline SOLN</i>	1B		
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)	<i>theophylline ELIX</i>	1B		
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)	<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)	
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>theophylline TB12</i>	1B		
			<i>theophylline TB24</i>	1B		
			ANTICOAGULANTS - Blood Thinners			
			Coumarin Anticoagulants			
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1B		
			Direct Factor Xa Inhibitors			
			ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)	
			ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)	
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	
			XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)	
			XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)	
			XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	
			Heparins And Heparinoid-Like Agents			
			<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	clobazam SUSP	1B	QL(16 ml daily); PA	
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	clobazam TABS	1B	QL(2 ea daily); PA	
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ml daily)	clonazepam TABS	1A		
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ml daily)	diazepam (anticonvulsant) GEL	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ml daily); SP	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML	4	SP	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	1B		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		Anticonvulsants - Misc.			
Thrombin Inhibitors			APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	
dabigatran etexilate mesylate CAPS	1B		BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	2	QL(2 ea daily); PA	
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	1B		BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	2	QL(8 ea daily); PA	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	carbamazepine CHEW	1B		
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	carbamazepine CP12 200 MG	1B	QL(6 ea daily)	
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	carbamazepine CP12 100 MG	1B		
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	carbamazepine CP12 300 MG	1B	QL(4 ea daily)	
Anticonvulsants - Benzodiazepines			carbamazepine SUSP	1B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	
<i>DIACOMIT CAPS 250 MG</i>	4	QL(12 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		
<i>DIACOMIT CAPS 500 MG</i>	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA	
<i>DIACOMIT PACK 250 MG</i>	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA	
<i>DIACOMIT PACK 500 MG</i>	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	
<i>EPIDIOLEX</i>	3	PA	<i>TEGRETOL SUSP (carbamazepine)</i>	2		
<i> gabapentin CAPS</i>	1B		<i>TEGRETOL TABS (carbamazepine)</i>	2		
<i> gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i> gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	
<i> lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA	
<i> lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i> lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i> lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i> lamotrigine TABS</i>	1B		<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i> lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	Carbamates			
<i> levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	
<i> levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i> levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	
<i> levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	GABA Modulators			
<i> levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B		
<i> oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	
<i> oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	
<i> oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Hydantoins			
			<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2		
			<i>DILANTIN</i>	2		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		EMSAM	3	QL(1 ea daily)
Succinimides			MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)	<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Valproic Acid			Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)			
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
Antidepressants - Misc.					
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	PA
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	<i>imipramine pamoate</i>	1B	
VIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)	<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
			<i>protriptyline hcl</i>	1B	
			<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>SYNJARDY TABS</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>XULTOPHY 100/3.6</i>	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Biguanides		
<i>GLYXAMBI</i>	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>JANUMET TABS</i>	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<i>SOLIQUA 100/33</i>	2	QL(0.5 ml daily); PA	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
			<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>JANUVIA</i>	2	QL(1 ea daily)
			<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
Insulin			NOVOLIN R SOLN IJ	2	
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	Insulin Sensitizing Agents		
APIDRA SOLN	3	PA	<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2		Meglitinide Analogues		
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)	<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)	<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B		FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B		JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		Sulfonylureas		
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA	<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA	<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
LEVEMIR SOLN	3	PA	<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea					
Antiperistaltic Agents					
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>			<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>			<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
MOTOFEN	3		<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)			
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS								
Antidotes - Chelating Agents								
CHEMET	3		<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)			
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA	<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)			
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA	<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B				
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA	<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B		<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B				
Antidotes and Specific Antagonists								
<i>deferoxamine mesylate</i>	4	PA	Antiemetics - Anticholinergic					
DESFERAL 500 MG (<i>deferoxamine mesylate</i>)	4	PA	<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC			
VISTOGARD	4	PA	<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC			
Opioid Antagonists								
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC	<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)			
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B		<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B				
<i>naltrexone hcl</i>	1B		Antiemetics - Miscellaneous					
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting								
5-HT3 Receptor Antagonists								
<i>ANZEMET TABS 50 MG</i>	3	QL(0.167 ea daily); PA	<i>AKYNZEO</i>	3	PA			
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B		<i>AKYNZEO SOLR</i>	4	PA			
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA			
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)	<i>dronabinol CAPS</i>	1B				
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B		Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists					
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B		<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA			
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections								
Ambetter Sunshine Formulary								
Updated March 1, 2024								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors					
<i>caspofungin acetate</i>	1B		<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
ERAXIS	3		<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA	<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
Antifungals					
ABELCET	3		<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>flucytosine</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		Antihistamines - Non-Sedating		
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals			<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
CRESEMBOLA CAPS 186 MG	3	PA	<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA	<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>NOXAFIL SUSP (posaconazole)</i>	3	QL(20 ml daily)	Antihistamines - Phenothiazines		
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B	
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B	
Antihistamines - Alkylamines			<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B				
Antihistamines - Ethanolamines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihistamines - Piperidines					
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol					
Antihyperlipidemics - Combinations					
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
Antihyperlipidemics - Misc.					
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
Bile Acid Sequestrants					
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)	Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	4	QL(0.25 ml daily); PA
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)	<i>REPATHA SOSY</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA
Fibric Acid Derivatives					
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	ACE Inhibitors		
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B		<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B		<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>EDARBI</i>	3	QL(1 ea daily); ST	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Antidiuretic Antihypertensives					
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)			
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Treat Bacterial Infections		
<i>olmesartan medoxomil-amldipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>bacitracin</i>	3	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>XIFAXAN 550 MG</i>	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>XIFAXAN 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3		Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
Antihypertensives - Misc.			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
<i>VECAMYL</i>	3	PA	Antiprotozoal Agents		
Direct Renin Inhibitors			<i>ALINIA SUSR</i>	2	PA
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>atovaquone</i>	1B	
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)			<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
<i>eplerenone</i>	1B		Carbapenems		
Vasodilators			<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B		<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B		<i>meropenem</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B		Chloramphenicols		
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to			<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)	<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B		ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)	Antimalarial Combinations		
Leprostatics			<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<i>dapsone</i>	3		<i>COARTEM</i>	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Lincosamides			Antimalarials		
<i>clindamycin hcl</i>	1B		<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B		<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B		<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>lincomycin hcl</i>	1B		<i>KRINTAFEL</i>	3	QL(2 ea per 30 days retail)
Monobactams			<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B				
<i>CAYSTON</i>	4	QL(3 ml daily); PA			
Oxazolidinones					
<i>linezolid SUSR</i>	1B				
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>SIVEXTRO TABS</i>	3	PA			
Polymyxins					
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B				
Urinary Anti-infectives					
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B				
<i>methenamine hippurate</i>	1B				
<i>nitrofurantoin</i>	1B				
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3		BELRAPZO SOLN	4	PA
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA	<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA	BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	4	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS					
Antimyasthenic/Cholinergic Agents					
FIRDAPSE	4	PA	BENDEKA SOLN	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA	<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B		<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML</i>	4	PA
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B		<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B		<i>carmustine</i>	4	SP; PA
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)					
Antimycobacterial Agents					
CAPASTAT SULFATE	3		<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML</i>	4	PA
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1B		<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		EVOMELA	4	PA
<i>isoniazid TABS</i>	1B		GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)	GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
PRIFTIN	3		IFEX SOLR	4	PA
<i>pyrazinamide</i>	1B		<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>rifabutin</i>	1B	PA	<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B		IFOSFAMIDE SOLR	4	PA
<i>rifampin SOLR</i>	1B		LEUKERAN	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>melphalan</i>	1B	
TRECATOR	3	QL(4 ea daily)	<i>melphalan hcl</i>	1B	
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer					
Alkylating Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VIVIMUSTA SOLN	4	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG</i>	4	PA
YONDELIS	4	PA	<i>pralatrexate</i>	4	PA
ZANOSAR	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
Antimetabolites			Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
ALIMTA SOLR 100 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	4	PA	CYRAMZA	4	PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	4	PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	4	PA	MVASI	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
FOLOTYN (<i>pralatrexate</i>)	4	PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM</i>	4	PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	4	PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		BAVENCIO	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		BESPONSA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	BLINCYTO	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	DARZALEX	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	EMPLICITI	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	GAZYVA	4	PA
			IMFINZI	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
KADCYLA	4	PA	ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	
KEYTRUDA	4	PA	ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	
LIBTAYO	4	PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			
LUMOXITI	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	
MYLOTARG	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	4	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	
POTELIGEO	4	PA	<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	
RUXIENCE	4	PA	<i>ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG</i>	4	SP; PA	
TECENTRIQ 1200 MG/20ML	4	PA	<i>ELIGARD KIT SC 7.5 MG</i>	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	
TRUXIMA	4	PA	<i>EMCYT</i>	4	SP; PA	
YERVOY	4	SP; PA	<i>ERLEADA 240 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			<i>ERLEADA 60 MG</i>	4	QL(4 ea daily); PA	
KANJINTI	4	PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	
OGIVRI	4	PA	<i>FIRMAGON</i>	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	
PERJETA	4	SP; PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	
TRAZIMERA	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA	
TUKYSA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B		
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	
ERBITUX	4	SP; PA	<i>LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM</i>	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM</i>	4	SP; PA	
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM</i>	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA	
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	<i>LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM</i>	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	<i>LYSODREN</i>	4	SP; PA	
PORTRAZZA	4	PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		
TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		
TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA				
VECTIBIX 400 MG/20ML	4	PA				
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA				
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors						
DAURISMO	4	PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG</i>	4	PA	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	
<i>toremifene citrate</i>	1B		<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic Combinations			
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA	KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA	KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA	VYXEOS	4	PA	
Antineoplastic - Immunomodulators						
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors			
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors						
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	
XPOVIO	4	PA	ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BALVERSA	4	PA	
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BELEODAQ	4	PA	
Antineoplastic Antibiotics			<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	
DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN 50 MG/10ML	4	PA	BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	BRUKINSA	4	PA	
<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	
			CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	
			CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVIDA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVIDA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVIDA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
IMBRUVIDA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	TABRECTA	4	PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KOSELUGO	4	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	AC; PA
MEKTOVI	4	SP; PA	TURALIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI CAPS	4	PA	KHAPZORY	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>mesna SOLN</i>	4	PA
XOSPATA	4	PA	MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA	VORAXAZE	4	SP; PA
ZELBORAF	4	SP; PA	Mitotic Inhibitors		
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Enzymes			ETOPOPHOS	4	SP; PA
ONCASPAR	4	SP; PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ACTIMMUNE	4	SP; PA	HALAVEN	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	IXEMPRA KIT 45 MG	4	PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	JEVTANA	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B		MARQIBO	4	PA
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	4	PA
MATULANE	4	SP; PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	4	PA
TICE BCG	4	PA	Oncolytic Viral Agents		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B		IMLYGIC	4	PA
UVADEX	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
Chemotherapy Adjuncts					
ELITEK	4	PA			
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	4	PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML</i>	4	PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
ONIVYDE	4	PA	NEUPRO	2	
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
TOPOTECAN HCL SOLN	4	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease					
Antiparkinson Adjunctive Therapy					
<i>carbidopa</i>	1B		<i>ropinirole hydrochloride TABS TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Anticholinergics					
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B		<i>ropinirole hydrochloride TABS TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B		Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B		<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B		<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors			<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)	ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
TASMAR (<i>tolcapone</i>)	3		Antimanic Agents		
<i>tolcapone</i>	3		LITHIUM	1B	
Antiparkinson Dopaminergics			<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B		<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		Antipsychotics - Misc.		
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B		EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Benzisoxazoles			<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	2	PA	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA	Phenothiazines		
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
Butyrophenones			<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)	<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>prochlorperazine</i>	1B	
Dibenzapines			<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>clozapine TABS</i>	1B		Quinolinone Derivatives		
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	REXULTI	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Thioxanthenes					
<i>thiothixene</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections					
Antiretrovirals					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	EMTRIVA CAPS (emtricitabine)	2	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	EMTRIVA SOLN	2	QL(24 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B		EPIVIR SOLN (lamivudine)	3	QL(30 ml daily)
APTIVUS CAPS	2	QL(4 ea daily)	EPIVIR TABS 150 MG (lamivudine)	3	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine)	3	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	EPZICOM (abacavir sulfate-lamivudine)	2	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	2	QL(1 ea daily)	etravirine 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
CIMDUO	2	QL(1 ea daily)	etravirine 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
COMBIVIR (lamivudine-zidovudine)	3		EVOTAZ	2	QL(1 ea daily)
COMPLERA	2	QL(1 ea daily)	fosamprenavir calcium TABS	1B	QL(4 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	GENVOYA	2	QL(1 ea daily)
DELSTRIGO	2	QL(1 ea daily)	INTELENCE 100 MG (etravirine)	2	QL(4 ea daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily); PA	INTELENCE 25 MG	2	QL(8 ea daily)
DOVATO	2	QL(1 ea daily)	INTELENCE 200 MG (etravirine)	2	QL(2 ea daily)
EDURANT	2	QL(1 ea daily)	ISENTRESS HD TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	ISENTRESS CHEW	2	QL(6 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	ISENTRESS PACK	2	QL(8 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	JULUCA	2	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	KALETRA SOLN (lopinavir-ritonavir)	3	QL(12.5 ml daily)
emtricitabine CAPS	1B	QL(1 ea daily)	KALETRA TABS (lopinavir-ritonavir)	2	QL(4 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	lamivudine SOLN	1B	QL(30 ml daily)
			lamivudine TABS 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
			lamivudine TABS 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
			lamivudine-zidovudine	1B	
			LEXIVA SUSP	2	QL(56 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEXIVA TABS (<i>fosamprenavir calcium</i>)	3	QL(4 ea daily)	SELZENTRY TABS 150 MG (<i>maraviroc</i>)	3	QL(2 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)	SELZENTRY TABS 300 MG (<i>maraviroc</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	STRIBILD	2	QL(1 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	SUNLENCA TBPK	3	
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	SUSTIVA CAPS 200 MG (<i>efavirenz</i>)	3	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B		SUSTIVA CAPS 50 MG (<i>efavirenz</i>)	3	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	SUSTIVA TABS (<i>efavirenz</i>)	3	QL(1 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	SYMF1 (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	2	QL(12 ea daily)	SYMF1 LO (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	QL(1 ea daily)
NORVIR SOLN	2	QL(15 ml daily)	SYMTUZA	2	QL(1 ea daily)
NORVIR TABS (<i>ritonavir</i>)	3	QL(12 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
ODEFSEY	2	QL(1 ea daily)	TIVICAY PD TBSO	2	
PIFELTRO	2	QL(1 ea daily)	TIVICAY TABS	2	QL(2 ea daily)
PREZCOBIX	2	QL(1 ea daily)	TRIUMEQ PD TBSO	2	
PREZISTA SUSP	2	QL(12 ml daily)	TRIUMEQ TABS	2	QL(1 ea daily)
PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	2	QL(1 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	2	QL(2 ea daily)	TRUVADA (<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	2	QL(2 ea daily)	TYBOST	2	QL(1 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	1B		VIRACEPT TABS 625 MG	2	QL(4 ea daily)
RETROVIR CAPS (<i>zidovudine</i>)	3		VIRACEPT TABS 250 MG	2	QL(10 ea daily)
RETROVIR SYRP (<i>zidovudine</i>)	3		VIRAMUNE XR TB24 400 MG (<i>nevirapine</i>)	3	QL(1 ea daily)
REYATAZ CAPS 300 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(1 ea daily)	VIREAD POWD	2	QL(7.5 gm daily)
REYATAZ CAPS 200 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(2 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	2	QL(1 ea daily)
REYATAZ PACK	2		VIREAD TABS (<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)			
RUKOBIA	2	PA			
SELZENTRY SOLN	2	QL(30 ml daily)			
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	2	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZIAGEN SOLN (<i>abacavir sulfate</i>)	3	QL(32 ml daily)	<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
ZIAGEN TABS (<i>abacavir sulfate</i>)	3		<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B		<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B		<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B		<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
CMV Agents			<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>cidofovir</i>	3		Influenza Agents		
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B		<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
Hepatitis Agents			<i>RELENZA DISKHALER</i>	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA	BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Alpha-Beta Blockers		
EPIVIR HBV SOLN	2	QL(60 ml daily); SP; PA	<i>carvedilol</i>	1B	
EPIVIR HBV TABS (<i>lamivudine (hbv)</i>)	3	QL(3 ea daily); SP	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
HEPSERA (<i>adefovir dipivoxil</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP	<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA	Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)	<i>atenolol TABS</i>	1B	
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>betaxolol hcl</i>	1B	
Herpes Agents					
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
bisoprolol fumarate	1B		diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	1B	
metoprolol succinate TB24 200 MG	1B	QL(2 ea daily)	diltiazem hcl CP12	1B	QL(2 ea daily)
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B		diltiazem hcl CP24	1B	
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	1B		diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	1B	
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B		DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
nebivolol hcl 20 MG	3	QL(2 ea daily)	diltiazem hcl TABS	1B	
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	3	QL(1 ea daily)	diltiazem hcl TB24	1B	
Beta Blockers Non-Selective			felodipine	1B	
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA	isradipine CAPS	1B	
nadolol TABS 40 MG	1B	QL(6 ea daily)	nicardipine hcl CAPS	1B	
nadolol TABS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	nicardipine hcl SOLN	1B	
nadolol TABS 80 MG	1B		nifedipine CAPS 20 MG	1B	QL(9 ea daily)
pindolol TABS	1B		nifedipine CAPS 10 MG	1B	
propranolol hcl CP24	1B	QL(2 ea daily)	nifedipine TB24	1B	
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	1B		nifedipine TB24 60 MG	1B	QL(2 ea daily)
propranolol hcl TABS	1B		nifedipine TB24 90 MG	1B	QL(1 ea daily)
sotalol hcl (afib/afl)	1B		nimodipine CAPS	1B	
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	1B	QL(2 ea daily)	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	1B	
sotalol hcl TABS 240 MG	1B		verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B	
timolol maleate TABS	1B		verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	1B	QL(1 ea daily)
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	1B	
Calcium Channel Blockers			verapamil hcl TABS	1B	
amlodipine besylate TABS	1B		verapamil hcl TBCR	1B	
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	1B		CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	1B	QL(2 ea daily)	Cardiac Glycosides		
			digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B		OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2		TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); PA	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2		Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors			
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions						
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations						
<i>amlodipine besylate- atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA	
<i>isosorbide dinitrate- hydralazine hcl</i>	1B		<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA	
Impotence Agents						
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA	<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)	<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA	Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			
Prostaglandin Vasodilators						
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	
ORENITRAM TBCR	4	PA	UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA	Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA	ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	
TYVASO SOLN IN	4	PA	Sinus Node Inhibitors			
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists						
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA	
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	Transthyretin Stabilizers			
			VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	
			VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections					
Cephalosporins - 1st Generation					
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		Cephalosporins - 5th Generation		
<i>cephalexin SUSR</i>	1B		<i>TEFLARO</i>	3	
Cephalosporins - 2nd Generation					
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B		Combination Contraceptives - Oral		
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>BALCOLTRA (levonorgestrel-ethynodiol-estradiol-iron)</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>desogestrel & ethynodiol estradiol</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>desogestrel-ethynodiol estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		<i>desogestrel-ethynodiol estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>drospirenone-ethynodiol estradiol</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>drospirenone-ethynodiol estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation					
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>ethynodiol diacet & ethynodiol</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel & ethynodiol TABS</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethynodiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	<i>levonorgestrel-ethynodiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethynodiol (continuous)</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethynodiol-iron</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>LO LOESTRIN FE TABS</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>NATAZIA</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEXTSTELLIS	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
<i>norethindrone & ethynodiol-fe</i>	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)
<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
<i>norethindrone acetate-ethynodiol-fe</i>	0		Glucocorticosteroids		
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>norgestimate-ethynodiol estradiol</i>	0		<i>deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG</i>	4	PA
<i>norgestimate-ethynodiol estradiol (triphasic)</i>	0		<i>DEPO-MEDROL SUSP</i>	3	
<i>norgestrel & ethynodiol estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		<i>DEXAMETHASONE INTENSOL CONC</i>	1B	
TYBLUME CHEW	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>norelgestromin-ethynodiol estradiol</i>	0		<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)	<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
ANNOVERA	0	PA	<i>EMFLAZA SUSP</i>	4	PA
<i>etonogestrel-ethynodiol estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)</i>	4	PA
Emergency Contraceptives			<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
ELLA	0		<i>MEDROL TABS</i>	3	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B		<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B		TUZISTRA XR	2	PA
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B		Misc. Respiratory Inhalants		
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B		HYPERSAL NEBU	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3		NEBUSAL NEBU	1B	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B		<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B		Mucolytics		
<i>prednisone SOLN</i>	1B		<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B		DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A		Acne Products		
<i>prednisone TBPK</i>	1B		<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>SOLU-CORTEF 250 MG</i>	3		<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>SOLU-MEDROL 2 GM</i>	3		<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B		AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
Mineralocorticoids			BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B		<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms			<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
Antitussives			<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)			
Cough/Cold/Allergy Combinations					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antifungals - Topical		
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>OXISTAT LOTN</i>	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B		<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>ERTACZO</i>	3	QL(2.15 gm daily)	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>luliconazole</i>	1B	PA	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>PANRETIN</i>	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical		
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	Antipsoriatics		
			<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	Burn Products			
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>mafenide acetate PACK</i>	3		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	SULFAMYLYON CREA	3		
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical			
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)	
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3		
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3		
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B					
Antivirals - Topical						
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>CORDRAN TAPE</i>	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>HALOG OINT</i>	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
hydrocortisone butyrate SOLN	1B	QL(5 ml daily)	Immunosuppressive Agents - Topical		
hydrocortisone valerate CREA	1B		pimecrolimus	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
hydrocortisone valerate OINT	1B		tacrolimus (topical) OINT	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
mometasone furoate CREA	1B	QL(3 gm daily)	Keratolytic/Antimitotic Agents		
mometasone furoate OINT	1B	QL(4 gm daily)	podofilox SOLN	1B	
mometasone furoate SOLN	1B	QL(5 ml daily)	Local Anesthetics - Topical		
prednicarbate OINT	1B		lidocaine hcl GEL 2 %	1B	QL(4 ml daily)
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	1B	QL(15.15 gm daily)	lidocaine hcl PRSY	1B	QL(4 ml daily)
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	1B	QL(3.34 gm daily)	lidocaine hcl SOLN	1B	QL(10 ml daily)
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	1B	QL(5 gm daily)	lidocaine-prilocaine CREA	1B	QL(1 gm daily)
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	1B	QL(6 ml daily)	lidocaine PTCH 5 %	1B	PA
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	1B		SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	1B	QL(6 gm daily)	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	1B	QL(15.15 gm daily)	EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone	1B	PA	Rosacea Agents		
Emollients			azelaic acid GEL	1B	QL(1.67 gm daily)
lactic acid (ammonium lactate) CREA	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC	brimonidine tartrate (topical)	3	QL(1 gm daily); PA
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	1B	RX/OTC	metronidazole (topical) CREA	1B	QL(3 gm daily)
Enzymes - Topical			metronidazole (topical) GEL 1 %	1B	QL(5 gm daily)
SANTYL OINT	3	PA	metronidazole (topical) GEL 0.75 %	1B	QL(3 gm daily)
Immunomodulating Agents - Topical			metronidazole (topical) LOTN	1B	
imiquimod 5 %	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	Scabicides & Pediculicides		
			crotamiton LOTN	1B	PA
			ivermectin (pediculicide)	1B	PA; RX/OTC
			malathion	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
permethrin CREA	1B		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
permethrin LIQD EX	1B		TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
spinosad	1B	PA	DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Wound Care Products			Digestive Enzymes		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)	CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIAGNOSTIC PRODUCTS			PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
Diagnostic Drugs			ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA	DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Diagnostic Tests			Carbonic Anhydrase Inhibitors		
CHEMSTRIP-K STRP	1B		acetazolamide sodium	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B				
GNP TRUETRACK SMART SYSTEM STRP	2	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
KETONE STRP	1B				
KETOSTIX STRP	1B				
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B				
PRECISION XTRA	1B				
PTS PANELS KETONE TEST	1B				
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones			
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	Bone Density Regulators			
Diuretic Combinations			<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)	
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B		<i>FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B		<i>FOSAMAX PLUS D</i>	3	QL(0.143 ea daily); PA	
Loop Diuretics			<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)	<i>PAMIDRONATE DISODIUM SOLN</i>	4	SP; PA	
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>PROLIA SOSY</i>	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA	
<i>furosemide TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	
<i>toresemide TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA	
Potassium Sparing Diuretics			<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA	
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA	
<i>spironolactone TABS</i>	1B		<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>TERIPARATIDE SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); PA	
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics						
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B					
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)				
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)				
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
TYMLOS	4	PA	FENSOLVI SC	4	SP; PA	
XGEVA SOLN	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	
Corticotropin			SYNAREL	4	SP; PA	
ACTHAR	3	PA	Metabolic Modifiers			
Fertility Regulators			ALDURAZYME	4	SP; PA	
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA	
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA	<i>calcitriol CAPS</i>	1B		
GnRH/LHRH Antagonists			<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	
ORILISSA	2	PA	<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B		
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	ELAPRASE	4	SP; PA	
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA	
EGRIFTA 2 MG	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA	
EGRIFTA SV	4	PA	MYALEPT	4	PA	
Growth Hormones			NAGLAZYME	4	SP; PA	
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	<i>nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	4	SP; PA	
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B		
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1B		
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	PHEBURANE PLLT	4	PA	
Hormone Receptor Modulators			<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA	
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA	
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA	
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA	
INCRELEX	4	SP; PA	Posterior Pituitary Hormones			
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			<i>desmopressin acetate spray</i>	1B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B		<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA	<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>ESTROGEL GEL</i>	3	
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>EVAMIST SOLN</i>	3	
Prolactin Inhibitors			<i>MENEST</i>	3	
<i>cabergoline</i>	1B		<i>MENOSTAR PTWK</i>	3	
Somatostatic Agents			<i>PREMARIN SOLR</i>	2	
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA	<i>PREMARIN TABS</i>	2	QL(1 ea daily)
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA	FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
SIGNIFOR	4	PA	Fluoroquinolones		
Vasopressin Receptor Antagonists			<i>BAXDELA SOLR</i>	3	PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>BAXDELA TABS</i>	3	PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
Estrogen Combinations			<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
CLIMARA PRO	3		<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
DUAVEE	3	PA	<i>CIPRO SUSR</i>	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>norethindrone acetate-ethynodiol estradiol</i>	1B		<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
PREMPHASE	2		<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)	<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
Estrogens			<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B		<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3		<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
ELESTRIN GEL	3		<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<i>estradiol valerate</i>	1B		GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
Bile Acid Synthesis Disorder Agents								
CHOLBAM	4	SP; PA	<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)			
Gallstone Solubilizing Agents								
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	LINZESS	2	QL(1 ea daily)			
<i>ursodiol TABS</i>	1B		Peripheral Opioid Receptor Antagonists					
Gastrointestinal Chloride Channel Activators								
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>alvimopan</i>	1B				
Gastrointestinal Stimulants			MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA			
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		Phosphate Binder Agents					
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B				
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)	<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC			
Inflammatory Bowel Agents			<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B				
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)	PHOSLYRA SOLN	2				
DIPENTUM	2		<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B				
INFLECTRA	4	PA	<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B				
<i>mesalamine CP24</i>	1B		VELPHORO	3	PA			
<i>mesalamine CPDR</i>	1B		GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -					
<i>mesalamine ENEM</i>	3		Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System					
<i>mesalamine SUPP</i>	3		Alkalinizers					
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)	<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B				
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3		<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC			
RENFLEXIS	4	PA	Cystinosis Agents					
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA	CYSTAGON CAPS	3	PA			
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA	Genitourinary Irrigants					
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B		<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B				
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B		<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B				
Intestinal Acidifiers			<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B				
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B		SORBITOL 3 %	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B		<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA	
Interstitial Cystitis Agents				Complement Inhibitors		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)	HAEGARDA SOLR SC	4	PA	
Prostatic Hypertrophy Agents				Hematorheologic Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)	Plasma Kallikrein Inhibitors			
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA	ORLADEYO	4	PA	
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only	TAKHZYRO SOLN	4	PA	
<i>silodosin</i>	1B		TAKHZYRO SOSY	4	PA	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B		Platelet Aggregation Inhibitors			
Urinary Analgesics				<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B		<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	
Urinary Stone Agents				BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA	CABLIVI	4	PA	
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>cilostazol</i>	1B		
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout						
Gout Agent Combinations				<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B		<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
Gout Agents				<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>allopurinol</i>	1B		<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	ZONTIVITY	3	PA	
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			
Uricosurics				Agents for Gaucher Disease		
<i>probenecid</i>	1B		CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders						
Bradykinin B2 Receptor Antagonists				CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA	<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	
Cobalamins						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits		
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ml daily)	ZIEXTENZO	4	PA		
Folic Acid/Folates					Hematopoietic Mixtures		
folic acid TABS	0		ferrous fumarate-folic acid	1B	QL(1 ea daily)		
Hematopoietic Growth Factors					Iron		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	0	AL(Up to 1 yrs old)		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	0			
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA	ferrous sulfate TBEC 325 MG	0			
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA	INFED	4	PA		
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	VENOFER	4	PA		
GRANIX SOLN	4	PA	Stem Cell Mobilizers				
GRANIX SOSY	4	PA	MOZOBIL (plerixafor)	4	SP; PA		
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA	plerixafor	4	SP; PA		
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA	HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders				
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA	Hemostatics - Systemic				
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA	aminocaproic acid TABS	1B	PA		
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	1B			
RETACRIT	4	PA	tranexamic acid TABS	1B			
RETACRIT	4	PA	HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS				
UDENYCA SOAJ	4	PA	Barbiturate Hypnotics				
UDENYCA SOSY	4	PA	phenobarbital ELIX	1B			
ZARXIO	4	PA	phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	1B			
Hypnotics - Tricyclic Agents							
doxepin hcl (sleep)			1B	QL(1 ea daily); PA			
Non-Barbiturate Hypnotics							
estazolam			1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
<i>flurazepam hcl</i>	1B		Laxatives - Miscellaneous		
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lactulose SOLN</i>	1B	
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	Saline Laxatives		
<i>triazolam</i>	1B		<i>OSMOPREP</i>	3	PA
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	Stimulant Laxatives		
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)	Surfactant Laxatives		
Orexin Receptor Antagonists			<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>BELSOMRA</i>	3	PA	<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
Selective Melatonin Receptor Agonists			<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs			Local Anesthetics - Amides		
Bulk Laxatives			<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B		MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Laxative Combinations			Azithromycin		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B		<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0		<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA	<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
			<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
			<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
			<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
			Clarithromycin		
			<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
			<i>clarithromycin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
clarithromycin TB24	1B		KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
Erythromycins			KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
erythromycin base CPEP	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
erythromycin base TABS	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
erythromycin base TBEC	1B		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
erythromycin ethylsuccinate SUSR	1B		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
erythromycin ethylsuccinate TABS	3		KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Fidaxomicin			KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
Blood Pressure Devices			K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
ADVOCATE ARM BLOOD PRESSURE MONITOR/SMALL/MEDIUM DEVI	2		MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Contraceptives			MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
CAYA DPRH	0		PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0				
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)			
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	ADVOCATE CONTROL SOLUTIONHIGH LIQD	1B	
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	AGAMATRIX CONTROL HIGH SOLN	1B	
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL HIGH LIQD	1B	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	CONTOUR HIGH CONTROL LIQD	1B	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	DIATRUE GLUCOSE CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	EASY PLUS II CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		EASY STEP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		EASY TALK CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		EASY TALK PLUS II CONTROLHIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		EASY TRAK GLUCOSE CONTROLSOLUTION HIGH SOLN	1B	
			ELEMENT HIGH CONTROL LIQD	1B	
			EMBRACE GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD	1B	
			EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FORA CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
FORACARE GDH CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		SOLUS V2 CONTROL HIGH SOLN	1B	
FORTISCARE CONTROL SOLUTIONS HIGH SOLN	1B		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	UNISTRIP CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	1B	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Parenteral Therapy Supplies		
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM	1B	QL(5 ea daily); RX/OTC
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN	1B	QL(5 ea daily)
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
GLUCOCOM HIGH CONTROL LIQD	1B		AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
LIBERTY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
ONETOUCH VERIO LEVEL 4 CONTROL SOLUTION LIQD	1B		EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
PRODIGY CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	1B		UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
RIGHTEST GC300 HIGH CONTROL LIQD	1B		Migraine Combinations		
			ergotamine w/ caffeine TABS	1B	QL(1.5 ea daily)
			sumatriptan-naproxen sodium	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)
			Migraine Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	1B	QL(0.267 ml daily)	sumatriptan succinate SOAJ	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	1B		sumatriptan succinate SOCT	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists					
almotriptan malate 12.5 MG	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	sumatriptan succinate TABS	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
almotriptan malate 6.25 MG	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	zolmitriptan SOLN	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
eletriptan hydrobromide	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	zolmitriptan TABS	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
frovatriptan succinate	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	zolmitriptan TBDP	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
naratriptan hcl	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	MINERALS & ELECTROLYTES		
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Bicarbonates		
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	sodium acetate SOLN	1B	
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B	
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
sumatriptan	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	calcium chloride (dihydrate) SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/L ACTATED RINGERS	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
<i>POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Potassium Removing Agents					
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA			
Immunosuppressive Agents								
ATGAM	4	SP; PA	<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B				
AZATHIOPRINE	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B				
<i>azathioprine TABS</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS					
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		Anesthetics Topical Oral					
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)			
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B				
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B		Anti-infectives - Throat					
ENSPRYNG	4	PA	<i>clotrimazole</i>	1B				
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA	<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B				
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B		Antiseptics - Mouth/Throat					
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B		<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B				
<i>mycophenolate sodium</i>	1B		DEBACTEROL	2				
NULOJIX	4	SP; PA	Dental Products					
PROGRAF PACK	2	PA	<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC			
PROGRAF SOLN	2		Steroids - Mouth/Throat/Dental					
SIMULECT	3		<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B				
<i>sirolimus TABS</i>	1B		Throat Products - Misc.					
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B		<i>cevimeline hcl</i>	1B				
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B				
Irrigation Solutions			MULTIVITAMINS					
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B		Ped MV w/ Fluoride					
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B		<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC			
<i>ringer's irrigation</i>	1B		Prenatal Vitamins					
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B		<i>CLASSIC PRENATAL TABS</i>	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -

Drugs to Treat Spasms	
Central Muscle Relaxants	
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carisoprodol TABS</i>	1B		Relax/Paralyze Muscles		
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	ALS Agents		
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)	<i>riluzole TABS</i>	3	
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B		<i>XEOMIN</i>	3	PA
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)	NUTRIENTS		
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B		Proteins		
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B		<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%</i>	3	
Direct Muscle Relaxants			<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%</i>	3	
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%</i>	3	
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus					
Nasal Antiallergy					
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC	<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B		<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
Nasal Anticholinergics			<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B		<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)	<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
Nasal Steroids			<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>budesonide (nasal)</i>	1B		<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill	Cycloplegic Mydriatics		
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC	<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC	<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B		Miotics		
<i>XHANCE EXHU</i>	3	PA	<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		Ophthalmic Steroids		
IOPIDINE	3		ALREX SUSP	3	PA
Ophthalmic Anti-infectives			<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
BESIVANCE	3	PA	FML FORTE SUSP	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		FML OINT	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
NATACYN	2		PRED MILD	3	PA
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		PRED-G SUSP	3	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B		ZYLET	3	PA
ZIRGAN GEL	2		Ophthalmics - Misc.		
Ophthalmic Immunomodulators			ALOCRIL	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	ALOMIDE	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
			<i>brinzolamide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	1B		neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	1B		
cromolyn sodium (ophth)	1B		Otic Steroids			
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA	fluocinolone acetonide (otic)	1B		
diclofenac sodium (ophth)	1B		hydrocortisone w/acetic acid	1B		
dorzolamide hcl	1B		PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System			
epinastine hcl (ophth)	1B		Immune Serums			
flurbiprofen sodium	1B		GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA	
ketorolac tromethamine (ophth)	1B		GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA	
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	1B		GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA	
LASTACRAFT	3	PA	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA	
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST	GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA	
olopatadine hcl 0.2 %	1B	RX/OTC	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA	
olopatadine hcl 0.1 %	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC	GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA	
Prostaglandins - Ophthalmic			GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA	
bimatoprost SOLN	3		Passive Immunizing Agents - Combinations			
latanoprost SOLN	1B		HYQVIA	4	PA	
tafluprost	1B		PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			
travoprost SOLN	1B		Aminopenicillins			
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear						
Otic Agents - Miscellaneous						
acetic acid (otic)	1B	QL(0.5 ml daily)	amoxicillin CAPS	1A		
Otic Anti-infectives			amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	1B		
ciprofloxacin hcl (otic)	1B					
ofloxacin (otic)	1B					
Otic Combinations						
ciprofloxacin-dexamethasone	1B	PA				
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	1B	QL(0.5 ea daily); PA				
CORTISPORIN-TC	3					
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	1B	QL(2 ml daily)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B		PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A		Progesterins		
<i>amoxicillin TABS</i>	1B		<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B		<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B		<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
Natural Penicillins			<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B		<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B		PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
PENICILLIN G PROCAINE	3		Agents for Chemical Dependency		
<i>penicillin g sodium</i>	3		<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B		<i>disulfiram</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B		LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Penicillin Combinations			Antidementia Agents		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
Penicillinase-Resistant Penicillins			<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
rivastigmine tartrate CAPS	1B		PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
Combination Psychotherapeutics			PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
chlordiazepoxide-amitriptyline	1B		PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
perphenazine-amitriptyline	1B	QL(4 ea daily)	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
Fibromyalgia Agents			REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
Movement Disorder Drug Therapy			teriflunomide	4	QL(1 ea daily)
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	pregabalin (once-daily) 330 MG	3	QL(2 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA
tetrabenazine	4	QL(3 ea daily); SP; PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
Multiple Sclerosis Agents			NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	ergoloid mesylates TABS	1B	
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	pimozide	1B	
dalfampridine	4	QL(2 ea daily); SP; PA	Smoking Deterrents		
dimethyl fumarate CDPK	4	QL(2 ea daily); PA	bupropion hcl (smoking deterrent)	0	QL(2 ea daily)
dimethyl fumarate CPDR	1B	QL(2 ea daily)	nicotine polacrilex GUM	0	
fingolimod hcl	4	QL(1 ea daily)	nicotine polacrilex LOZG	0	
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)	nicotine MISC XX	0	QL(1 ea daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA			
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)	Glycylcyclines		
NICOTROL INHALER INHA	0		<i>tigecycline</i>	1B	
NICOTROL NS SOLN	0		Tetracyclines		
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>demecclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0		<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Transthyretin Amyloidosis Agents			<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
TEGSEDI	4	PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions					
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)			<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
PROLASTIN-C SOLN	4	PA	<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
PROLASTIN-C SOLR	4	PA	<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
Cystic Fibrosis Agents			<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA	THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA	Antithyroid Agents		
Pulmonary Fibrosis Agents			<i>methimazole TABS</i>	1B	
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA	<i>propylthiouracil</i>	1B	
<i>pirfenidone CAPS</i>	4		Thyroid Hormones		
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA	<i>ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>ARMOUR THYROID TABS</i>	2	QL(1 ea daily)
Sulfonamides			<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B		<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
SYNTHROID TABS <i>(levothyroxine sodium)</i>	2		<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOXOIDS			<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Toxoid Combinations			Misc. Anti-Ulcer		
ADACEL SUSP	0		<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
BOOSTRIX SUSP	0		<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
BOOSTRIX SUSY	0		Proton Pump Inhibitors		
KINRIX SUSY	0		<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
QUADRACEL SUSP	0		<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
QUADRACEL SUSY	0		<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions			<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
Antispasmodics			<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B		<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>methscopolamine bromide</i>	1B				
H-2 Antagonists					
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC			
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)	MENACTRA	0	
Ulcer Therapy Combinations					
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)	MENQUADFI	0	
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	MENVEO SOLR	0	
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms					
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)					
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)	ABRYSVO	0	AL(At least 60 yrs old)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>solifenacain succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B		AREXVY	0	AL(At least 60 yrs old)
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)			
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists					
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B				
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants					
<i>flavoxate hcl</i>	1B				
VACCINES					
Bacterial Vaccines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HAVRIX	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	IPOL INACTIVATED IPV	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
			PREHEVBRIOD	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>metronidazole vaginal</i>	1B		
ROTARIX SUSP	0		<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B		
ROTARIX SUSR	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		
ROTATEQ SOLN	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)	<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B		
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		Vaginal Contraceptive - pH Modulators			
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0		PHEXXI	0	PV	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		Vaginal Estrogens			
TWINRIX SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	
VAQTA	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B		
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	FEMRING	3	PA	
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS			PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)	
Miscellaneous Vaginal Products						
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA	VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions			
Spermicides						
TODAY SPONGE MISC	0		Anaphylaxis Therapy Agents			
Vaginal Anti-infectives						
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B		<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B		<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)	
Vasopressors						
<i>midodrine hcl</i>						
VITAMINS						
Oil Soluble Vitamins						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	31	acyclovir SUSP	33	2024 SUSP	66
abacavir sulfate TABS	31	acyclovir TABS OR	33	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-	
abacavir sulfate-lamivudine	31	acyclovir topical CREA	41	2024 SUSY	66
ABELCET	18	acyclovir topical OINT	41	AGAMATRIX CONTROL HIGH	
abiraterone acetate 250 MG	25	ADACEL SUSP	65	SOLN	53
abiraterone acetate 500 MG	25	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	AIMOVIG	54
ABRYSVO	66	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	AIMSCO LUBRICATED MISC	52
acamprosate calcium	62	adapalene CREA	38	AKYNZEO	17
acarbose	15	adapalene GEL 0.1 %	38	AKYNZEO SOLR	17
acebutolol hcl CAPS	33	adapalene GEL 0.3 %	38	albendazole	7
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5		albuterol sulfate AERS	9
acetaminophen w/ codeine TABS 15		%-0.1 %	38	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63	
MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
acetaminophen w/ codeine TABS 30		adefovir dipivoxil	33	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5	
MG-300 MG	6	ADEMPAS	35	MG/0.5ML	9
acetaminophen w/ codeine TABS 60		ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5		albuterol sulfate SYRP	9
MG-300 MG	6	MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	64	albuterol sulfate TABS	9
acetaminophen-caff-dihydrocod		ADVOCATE ARM BLOOD		alclometasone dipropionate CREA ..	41
CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ..	6	PRESSURE		alclometasone dipropionate OINT ..	41
acetazolamide CP12	45	MONITOR/SMALL/MEDIUM DEVI	52	ALDURAZYME	46
acetazolamide sodium	44	ADVOCATE CONTROL		ALECENSA	26
acetazolamide TABS 125 MG	45	SOLUTIONHIGH LIQD	53	alendronate sodium TABS 35 MG, 70	
acetazolamide TABS 250 MG	45	ADVOCATE REDI-CODE+		MG	45
acetic acid (otic)	61	CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .		alendronate sodium TABS 5 MG, 10	
acetic acid 0.25 %	48	53		MG	45
acetylcysteine SOLN	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2021-		alfuzosin hcl	49
acitretin 10 MG, 17.5 MG	40	2022 SUSP	66	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed	
acitretin 25 MG	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2021-		disodium)	24
ACTHAR	46	2022 SUSY	66	ALINIA SUSR	21
ACTIMMUNE	28	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-		aliskiren fumarate	21
acyclovir CAPS	33	2023 SUSY	66	allopurinol	49
		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-		almotriptan malate 12.5 MG	55

almotriptan malate 6.25 MG	55	amiloride hcl TABS	45	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1
ALOCRIL	60	aminocaproic acid TABS	50		
alogliptin benzoate	15	aminophylline SOLN	10		
alogliptin-metformin hcl	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	15	amiodarone hcl TABS	8		
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	60	amlodipine besylate TABS	34		
alosetron hcl	48	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	35	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20			
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan	20		
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALREX SUSP	60	amoxapine	14		
ALTABAX	39	amoxicillin & pot clavulanate CHEW ..		amphotericin b IV	18
ALUNBRIG TABS	26	62		amphotericin b liposome	18
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR ..		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	62
ALVESCO	9	62		ampicillin CAPS 500 MG	62
alvimopan	48	amoxicillin & pot clavulanate TABS ..		ampicillin sodium IJ 1 GM	62
amantadine hcl CAPS	29	62		anagrelide hcl	49
amantadine hcl SOLN	29	amoxicillin & pot clavulanate TB12	62	anastrozole	25
amantadine hcl TABS	29	62		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ambrisentan	35	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG ..		ANNOVERA	37
amcinonide CREA	41	61		ANORO ELLIPTA	9
amcinonide LOTN	41	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ..	62	ANZEMET TABS 50 MG	17
amcinonide OINT	41	62		APIDRA SOLN	16
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	66	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
amiloride & hydrochlorothiazide ..	45				

apomorphine hydrochloride SOCT	29	aspirin TBEC 81 MG	4	azithromycin PACK	51
apraclonidine hcl	59	aspirin-dipyridamole	49	azithromycin SOLR	51
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	.17	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	31	azithromycin SUSR	51
aprepitant CAPS 80 MG	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	31	azithromycin TABS 250 MG	51
aprepitant CAPS	17	atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 500 MG	51
aprepitant MISC	17	atenolol TABS	33	azithromycin TABS 600 MG	51
APTIOM	11	ATGAM	57	aztreonam 1 GM	22
APTIVUS CAPS	31	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	60
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	50	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	50	atorvastatin calcium TABS	19	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	58
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	50	atovaquone	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	36
ARCALYST	3	atovaquone-proguanil hcl	22	balsalazide disodium CAPS	48
AREXVY	66	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	65	BALVERSA	26
arformoterol tartrate	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	65	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ariPIPrazole SOLN OR	30	AUSTEDO TABS	63	BARACLUDE SOLN	33
ariPIPrazole TABS	30	AVONEX PEN AJKT	63	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
armodafinil	1	AVONEX PSKT	63	BAVENCIO	24
ARMOUR THYROID TABS	64	AYVAKIT	26	BAXDELA SOLR	47
ARNUITY ELLIPTA	9	azacitidine SUSR	24	BAXDELA TABS	47
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AZASITE	60	BELEODAQ	26
ARZERRA	24	AZATHIOPRINE	57	BELRAPZO SOLN	23
asenapine maleate 2.5 MG	30	azathioprine TABS	57	BELSOMRA	51
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	30	azelaic acid GEL	43	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
aspirin CHEW	4	azelastine hcl (ophth)	60	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
aspirin TABS 325 MG	4	azelastine hcl	59	benazepril hcl	19
aspirin TBEC 325 MG	4	AZELEX	38	bendamustine hcl SOLR	23

BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	23	betamethasone valerate CREA	41	BREO ELLIPTA	9
BENDEKA SOLN	23	betamethasone valerate FOAM	42	BREZTRI AEROSPHERE	9
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	38	betamethasone valerate LOTN	42	BRILINTA	49
benzonataate 100 MG	38	betamethasone valerate OINT	42	brimonidine tartrate (topical)	43
benzonataate 150 MG	38	BETASERON KIT	63	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	60
benzonataate 200 MG	38	betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	brimonidine tartrate-timolol maleate	59
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	38	betaxolol hcl	33	brinzolamide	60
benzoyl peroxide GEL 10 %	38	bethanechol chloride 25 MG	66	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	11
benzoyl peroxide GEL 5 %	38	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	BRIVIACT TABS	11
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	39	bexarotene (topical)	40	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	61
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	38	bexarotene	28	bromocriptine mesylate CAPS	29
benztropine mesylate SOLN	29	bicalutamide	25	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	29
benztropine mesylate TABS	29	BIKTARVY	31	BRUKINSA	26
bepotastine besilate	60	bimatoprost SOLN	61	budesonide (inhalation) SUSP	9
BESIVANCE	60	bisacodyl SUPP	51	budesonide (intrarectal)	7
BESPONSA	24	bisacodyl TBEC	51	budesonide (nasal)	59
betaine	46	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	budesonide CPEP	37
betamethasone dipropionate (topical) CREA	41	bisoprolol fumarate	34	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	41	bleomycin sulfate 15 UNIT	26	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	45
betamethasone dipropionate (topical) OINT	41	BLINCYTO	24	bumetanide TABS	45
betamethasone dipropionate augmented CREA	41	BOOSTRIX SUSP	65	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	41	BOOSTRIX SUSY	65	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	41	bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG	6
		BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG	6
		bosentan TABS 125 MG	35	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
		bosentan TABS 62.5 MG	35		
		BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26		
		BOSULIF TABS 400 MG	26		
		BRAFTOVI 75 MG	26		

buprenorphine PTWK	7	CABLIVI	49	carbamazepine CP12 200 MG	11
bupropion hcl (smoking deterrent)	63	CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 300 MG	11
bupropion hcl TABS	13	calcipotriene CREA	41	carbamazepine SUSP	11
bupropion hcl TB12 100 MG	13	calcipotriene OINT	41	carbamazepine TABS	12
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene SOLN	41	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	42	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	42	carbidopa	29
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcitonin (salmon) NA	45	carbidopa-levodopa TABS	29
buspirone hcl 5 MG	8	calcitriol (topical)	41	carbidopa-levodopa TBCR	29
buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol CAPS	46	carbidopa-levodopa TBDP	29
busulfan SOLN	23	calcitriol SOLN IV	46	carbidopa-levodopa-entacapone ..	29
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	48	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	48	carbinoxamine maleate TABS 4 MG ..	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN 55		carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium polycarbophil TABS	51	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CALQUENCE	26	carisoprodol TABS	59
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	29	carmustine	23
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	candesartan cilexetil	20	carteolol hcl (ophth)	59
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	carvedilol	33
butenafine hcl	39	CAPASTAT SULFATE	23	carvedilol phosphate	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	capecitabine	24	caspofungin acetate	18
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	CAPRELSA	27	CAYA DPRH	52
cabergoline	47	captopril 12.5 MG	19	CAYSTON	22
		captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	19	cefaclor CAPS	36
		carbamazepine CHEW	11	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	36
		carbamazepine CP12 100 MG	11	cefadroxil CAPS	36
		carbamazepine CP12 200 MG	11	cefadroxil SUSR	36

cefadroxil TABS	36	chloramphenicol sodium succinate 21	ciclopirox SOLN	39	
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	36	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cidofovir	33
cefdinir CAPS	36	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	65	cilostazol	49
cefdinir SUSR	36	chlordiazepoxide-amitriptyline	63	CIMDUO	31
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	36	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	57	cimetidine TABS	65
cefixime CAPS	36	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cinacalcet hcl	46
cefixime SUSR	36	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	CIPRO SUSR	47
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM ..	36	chlorpromazine hcl SOLN	30	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	60
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM ..	36	chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin hcl (otic)	61
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ..	36	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	45	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefpodoxime proxetil SUSR	36	chlorzoxazone TABS 500 MG	59	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefpodoxime proxetil TABS	36	CHOLBAM	48	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
cefprozil SUSR	36	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	70	ciprofloxacin-dexamethasone	61
cefprozil TABS	36	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	70	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide ..	61
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	36	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	36	cholestyramine light POWD	19	cisplatin SOLN 50 MG/50ML	23
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	36	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime axetil TABS	36	cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	36	choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	3	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 46	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13	
CELONTIN (methsuximide)	13	ciclopirox GEL	39	cladribine 10 MG/10ML	24
cephalexin CAPS	36	ciclopirox olamine CREA	39	clarithromycin SUSR	51
cephalexin SUSR	36	ciclopirox olamine SUSP	39	clarithromycin TABS	51
CERDELGA	49	ciclopirox SHAM	39	clarithromycin TB24	52
CEREZYME 400 UNIT	49	CLASSIC PRENATAL TABS	57	clemastine fumarate SYRP	18
cetirizine hcl TABS	18				
cevimeline hcl	57				
CHEMET	17				
CHEMSTRIP-K STRP	44				

clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	clobazam TABS	11	30
18	clobetasol propionate CREA 0.05 % .		
CLEVER CHOICE GLUCOSE	42		
CONTROL HIGH LIQD	clobetasol propionate emollient base		
CLIMARA PRO	0.05 %	42	
clindamycin hcl	clobetasol propionate FOAM	42	
clindamycin palmitate hydrochloride .	clobetasol propionate GEL 0.05 %	42	
22	clobetasol propionate OINT 0.05 %	42	
clindamycin phosphate (topical)	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .		
FOAM	42		
clindamycin phosphate (topical) GEL	clocortolone pivalate	42	
39			
clindamycin phosphate (topical) LOTN	clofarabine	24	
39	clomipramine hcl	14	
clindamycin phosphate (topical) SOLN	clonazepam TABS	11	31
39	clonidine	20	COMETRIQ KIT
clindamycin phosphate (topical) SWAB	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY 2023-24 SUSP
39	clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2023-24 SUSY
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMIRNATY SUSP
22	clopidogrel bisulfate 75 MG	49	COMPLERA
clindamycin phosphate vaginal CREA	clorazepate dipotassium TABS	8	CONTOUR HIGH CONTROL LIQD
69	clotrimazole (topical) CREA	39	53
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	clotrimazole (topical) SOLN	40	CONTRAVE
39	clotrimazole	57	COPIKTRA
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	clotrimazole vaginal CREA 1 %	69	CORDRAN TAPE
39	clotrimazole w/ betamethasone		CORLANOR SOLN
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 59	CREA	40	CORLANOR TABS
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 59	clotrimazole w/ betamethasone		CORTISPORIN-TC
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 59	LOTN	40	COSENTYX SENSOREADY PEN
clobazam SUSP	clozapine TABS	30	SOAJ
11	clozapine TBDP 100 MG	30	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...
	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		41
			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .41

COSENTYX UNOREADY SOAJ	41	cyproheptadine hcl TABS	19	deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG	37
CREON CPEP	44	CYRAMZA	24	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	47
CRESEMBA CAPS 186 MG	18	CYSTAGON CAPS	48	DELSTRIGO	31
cromolyn sodium (ophth)	61	CYSTARAN	61	demeclacycline hcl TABS	64
cromolyn sodium NEBU	9	cytarabine SOLN	24	DEPO-ESTRADIOL	47
crotamiton LOTN	43	dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	11	DEPO-MEDROL SUSP	37
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	58	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	37
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	50	dacarbazine SOLR 200 MG	28	DESCOZY 200 MG-25 MG	31
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	59	dactinomycin	26	DESFERAL 500 MG (deferoxamine mesylate)	17
cyclophosphamide CAPS	23	dalfampridine	63	desipramine hcl TABS	14
cyclophosphamide SOLR IJ	23	danazol CAPS	7	desloratadine TABS	18
cycloserine	23	dantrolene sodium CAPS	59	desloratadine TBDP 2.5 MG	18
cyclosporine (ophth) EMUL	60	dapsone	22	desmopressin acetate SOLN IJ ...	47
cyclosporine CAPS	57	daptomycin 500 MG	21	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	47
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	57	darifenacin hydrobromide	66	desmopressin acetate spray	46
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	57	darunavir TABS 600 MG	31	desmopressin acetate spray refrigerated	47
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML ..	57	darunavir TABS 800 MG	31	desmopressin acetate TABS 0.1 MG ..	47
CYLTEZO AJKT	3	DARZALEX	24	desmopressin acetate TABS 0.2 MG ..	47
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML ..	3	DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN 50 MG/10ML	26	desogestrel & ethinyl estradiol	36
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	DAURISMO	25	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	36
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	DEBACTEROL	57	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	36
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	decitabine	24	deferiprone TABS 500 MG	17
cyproheptadine hcl SYRP	19	deferasirox PACK	17	desonide CREA	42
		deferasirox TABS	17	desonide LOTN	42
		deferasirox TBSO	17		
		deferoxamine mesylate	17		

desonide OINT	42	DIACOMIT PACK 250 MG	12	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	35
desoximetasone CREA 0.25 %	42	DIACOMIT PACK 500 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	55
desoximetasone GEL	42	DIATRUE GLUCOSE CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	55
desoximetasone OINT 0.25 %	42	diazepam (anticonvulsant) GEL	11	DILANTIN (phenytoin sodium extended)	12
desvenlafaxine succinate 100 MG	14	diazepam CONC	8	DILANTIN	12
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13
dexamethasone ELIX	37	diazepam TABS	8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	13
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	37	diazoxide	15	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	34
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	60	dichlorphenamide	45	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	34
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	37	diclofenac epolamine PTCH EX	40	diltiazem hcl CP12	34
dexamethasone SOLN	37	diclofenac potassium TABS 50 MG	3	diltiazem hcl CP24	34
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	37	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	40	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	34
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	37	diclofenac sodium (topical) GEL EX 40	3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	34
dexchlorpheniramine maleate SOLN	18	diclofenac sodium TB24	3	DILTAZEM HCL SOLR	34
dexlansoprazole	65	diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl TABS	34
dexmethylphenidate hcl CP24	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	diltiazem hcl TB24	34
dexmethylphenidate hcl TABS	1	dicloxacillin sodium	62	dimethyl fumarate CDPK	63
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	dicyclomine hcl CAPS	65	dimethyl fumarate CPDR	63
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicyclomine hcl SOLN OR	65	DIPENTUM	48
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	dicyclomine hcl TABS	65	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG	18
dextrose in lactated ringers	55	DIFFERIN LOTN	39	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18
DIACOMIT CAPS 250 MG	12	DIFICID TABS	52	diphenhydramine hcl LIQD 12.5	
DIACOMIT CAPS 500 MG	12	diflorasone diacetate CREA	42		
		diflorasone diacetate OINT	42		
		diflunisal TABS	4		
		difluprednate	60		
		digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	34		

MG/5ML	18	doxepin hcl CONC	14	EASY PLUS II CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	53
diphenhydramine hcl SOLN 50		doxercalciferol CAPS	46		
MG/ML	18	doxercalciferol SOLN	46	EASY STEP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	53
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxorubicin hcl liposomal	26		
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxorubicin hcl SOLN	26	EASY TALK CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	53
dipyridamole	49	doxorubicin hcl SOLR 10 MG	26	EASY TALK PLUS II CONTROLHIGH SOLN	53
disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl SOLR 50 MG	26		
disulfiram	62	doxycycline (monohydrate) CAPS 50		EASY TRAK GLUCOSE CONTROLSOLUTION HIGH SOLN	
divalproex sodium TB24	13	MG, 100 MG	64	53	
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75		econazole nitrate CREA	40
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	MG	64	EDARBI	20
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS		EDURANT	31
docusate calcium	51	100 MG	64	efavirenz CAPS 200 MG	31
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz CAPS 50 MG	31
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	MG	64	efavirenz TABS	31
dofetilide	8	doxycycline hyclate CAPS	64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
donepezil hydrochloride TABS 10		doxycycline hyclate SOLR	64	disoproxil fumarate	31
MG	62	doxycycline hyclate TABS 20 MG,		efavirenz-lamivudine-tenofovir	
donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	62	100 MG	64	disoproxil fumarate	31
62		doxylamine-pyridoxine TBEC	17	EGRIFTA 2 MG	46
donepezil hydrochloride TBDP 10		dronabinol CAPS	17	EGRIFTA SV	46
MG	62	drospirenone-ethinyl estradiol	36	ELAPRASE	46
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		drospirenone-ethinyl estradiol-		electrolyte-148	55
62		levomefolate calcium	36	ELEMENT HIGH CONTROL LIQD	53
DOPTELET	50	DROXIA CAPS	49	ELESTRIN GEL	47
dorzolamide hcl	61	DUAVEE	47	eletriptan hydrobromide	55
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG,		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
DOVATO	31	60 MG	14	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45	
doxazosin mesylate	20	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	MG	25
doxepin hcl (antipruritic)	40	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN		ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10
doxepin hcl (sleep)	50	DEVI	52		
doxepin hcl CAPS	14	dutasteride	49		
		dutasteride-tamsulosin hcl	49		

ELIQUIS TABS	10	enalapril maleate TABS	19	EPIVIR HBV TABS (lamivudine (hbv))	33
ELITEK	28	ENBREL MINI SOCT	4	EPIVIR SOLN (lamivudine)	31
ELLA	37	ENBREL SOLN	4	EPIVIR TABS 150 MG (lamivudine) 31	
ELLIOTTS B	55	ENBREL SOLR	4	EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine) 31	
ELMIRON CAPS	49	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine) 31	
EMBRACE GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD	53	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine) 31	
EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN ..	53	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	eplerenone	21
EMCYT	25	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	67	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50
EMFLAZA SUSP	37	ENGERIX-B SUSY	67	epoprostenol sodium	35
EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)	37	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	EPZICOM (abacavir sulfate-lamivudine)	31
EMGALITY SOAJ	54	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	EQL PRENATAL FORMULA TABS 58	
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	54	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	EQUETRO 100 MG	29
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	54	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	EQUETRO 200 MG	29
EMPLICITI	24	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	EQUETRO 300 MG	29
EMSAM	13	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ERAXIS	18
emtricitabine CAPS	31	ENSPRYNG	57	ERBITUX	25
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	31	entacapone	29	ergocalciferol CAPS	70
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	31	entecavir TABS	33	ergocalciferol SOLN OR	70
EMTRIVA CAPS (emtricitabine) ..	31	EPIDIOLEX	12	ergoloid mesylates TABS	63
EMTRIVA SOLN	31	epinastine hcl (ophth)	61	ERGOMAR SUBL	55
EMVERM CHEW	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	ergotamine w/ caffeine TABS	54
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	ERIVEDGE	25
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EPIPEN 2-PAK SOAJ (epinephrine (anaphylaxis))	69	ERLEADA 240 MG	25
		EPIVIR HBV SOLN	33	ERLEADA 60 MG	25
				erlotinib hcl	25
				ERTACZO	40
				ertapenem sodium IJ	21

erythromycin (acne aid) PADS	39	ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	30
erythromycin (acne aid) SOLN	39	ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC	52
erythromycin (ophth)	60	ethynodiol diacet & eth estrad	36	FANTASY	
erythromycin base CPEP	52	etodolac CAPS	3	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
erythromycin base TABS	52	etodolac TABS	3	52	
erythromycin base TBEC	52	etonogestrel-ethinyl estradiol	37	FARXIGA	16
erythromycin ethylsuccinate SUSR 52		ETOPOPHOS	28	FASENRA PEN SOAJ	8
erythromycin ethylsuccinate TABS 52		etoposide CAPS	28	FASENRA SOSY	8
escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FC2 FEMALE CONDOM	52
escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etravirine 100 MG	31	febuxostat	49
escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 200 MG	31	felbamate SUSP	12
escitalopram oxalate TABS 5 MG . 13		EUCRISA	43	felbamate TABS 400 MG	12
esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	65	EVAMIST SOLN	47	felbamate TABS 600 MG	12
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	65	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	57	felodipine	34
esomeprazole magnesium TBEC ..	65	everolimus TABS	27	FEMCAP DEVI	52
estazolam	50	EVOMELA	23	FEMRING	69
estradiol GEL	47	ezetimibe	19	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19
estradiol PTTW	47	ezetimibe-simvastatin	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol PTWK	47	famciclovir 125 MG, 250 MG	33	fenoprofen calcium TABS	3
estradiol TABS	47	famciclovir 500 MG	33	FENSOLVI SC	46
estradiol vaginal CREA	69	famotidine in nacl SOLN	65	fentanyl citrate LPOP	5
estradiol vaginal TABS	69	famotidine SOLN 20 MG/2ML	65	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
estradiol valerate	47	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	65	ferrous fumarate-folic acid	50
ESTROGEL GEL	47	famotidine SUSR	65	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	50
eszopiclone	51	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	50
ethacrynic acid	45	FANAPT	30	ferrous sulfate TBEC 325 MG ..	50
ethambutol hcl TABS	23			fesoterodine fumarate	66

FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluorometholone (ophth) SUSP	60
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	fluorouracil (topical) CREA 5 %	40
finasteride	49	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluorouracil (topical) SOLN	40
fingolimod hcl	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML	24
FIRDAPSE	23	fluconazole SUSR	18	fluorouracil 500 MG/10ML	24
FIRMAGON	25	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14
flavoxate hcl	66	flucytosine	18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14
flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLN	24	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13
floxuridine	24	fludarabine phosphate SOLR	24	fluoxetine hcl CPDR	14
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	67	fludrocortisone acetate TABS	38	fluoxetine hcl SOLN	14
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	67	FLULALVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	67	FLULALVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	67	FLULALVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	fluphenazine hcl CONC	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	FLUMIST QUADRIVALENT	68	fluphenazine hcl ELIX	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	flunisolide (nasal) 0.025 %	59	fluphenazine hcl SOLN	30
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022	67	fluocinolone acetonide (otic)	61	fluphenazine hcl TABS	30
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 42		flurandrenolide CREA	42
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024	67	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	42	flurandrenolide LOTN	42
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	67	fluocinolone acetonide OIL	42	flurazepam hcl	51
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	67	fluocinolone acetonide OINT	42	flurbiprofen sodium	61
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67	fluocinolone acetonide SOLN	42	flurbiprofen TABS	3
fluocinonide CREA 0.05 %	42	flutamide	25		
fluocinonide emulsified base	42	fluticasone furoate-vilanterol	10		
fluocinonide GEL	42	fluticasone propionate (nasal) SUSP .. 59			
fluocinonide OINT	42	fluticasone propionate CREA 0.05 % 42			
fluocinonide SOLN	42	fluticasone propionate hfa	9		

fluticasone propionate OINT	42	11	MONITORING SYSTEM	54	
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML	11	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone-salmeterol AERO	10	FORA CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	54	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	19	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	44	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	54
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..	19	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	44	frovatriptan succinate	55
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14		FORACARE GDH CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	54	fulvestrant SOSY	25
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14	formoterol fumarate NEBU	10	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	45
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	68	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	45	furosemide TABS	45
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	68	FORTISCARE CONTROL SOLUTIONS HIGH SOLN	54	FUZEON SOLR	31
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	68	FOSAMAX PLUS D	45	FYCOMPA TABS 2 MG	11
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	68	fosamprenavir calcium TABS	31	FYCOMPA TABS 4 MG	11
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	68	fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 6 MG	11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	68	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	68	fosinopril sodium	19	gabapentin CAPS	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	68	fosphenytoin sodium	13	gabapentin SOLN	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	68	FRAGMIN SOSY	11	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	54	12 GALAFOLD	46
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	54	galantamine hydrobromide CP24 ..	62
FML FORTE SUSP	60	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54	galantamine hydrobromide SOLN ..	62
FML OINT	60	MONITORING SYSTEM	54	galantamine hydrobromide TABS ..	62
folic acid TABS	50	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 61		GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61
FOLOTYN (pralatrexate)	24	GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML			
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML					

GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 63	SYSTEM STRP 44
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	61	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 63	GOJJI BLOOD KETONE TEST
GAMMAKED 1 GM/10ML	61	GLEOSTINE 10 MG 23	STRIPS 44
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 23	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	61	glimepiride 1 MG, 2 MG 16	granisetron hcl TABS 17
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	61	glimepiride 4 MG 16	GRANIX SOLN 50
ganciclovir sodium SOLR	33	glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	GRANIX SOSY 50
ganirelix acetate	46	glipizide TB24 16	GRASTEK SUBL 2
GARDASIL 9 SUSP	68	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG 15	griseofulvin microsize SUSP 18
GARDASIL 9 SUSY	68	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG 15	griseofulvin microsize TABS 18
gatifloxacin (ophth)	60	GLUCAGEN DIAGNOSTIC 44	griseofulvin ultramicrosize 18
GAZYVA	24	glucagon (rdna) 15	guanfacine hcl (adhd) 1
gefitinib	25	GLUCOCOM HIGH CONTROL LIQD 54	guanfacine hcl 20
gemcitabine hcl SOLR 1 GM	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	GYNAZOLE-1 69
gemcitabine hcl SOLR 2 GM	24	glyburide TABS 16	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ3
gemcitabine hcl SOLR 200 MG	24	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	HADLIMA SOSY 3
gemfibrozil TABS	19	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG 15	HAEGARDA SOLR SC 49
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 48	HALAVEN 28
gentamicin sulfate (ophth) OINT	60	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML 65	halcinonide CREA 42
gentamicin sulfate (ophth) SOLN	60	glycopyrrolate TABS 1 MG 65	halobetasol propionate CREA 42
gentamicin sulfate (topical) CREA	39	glycopyrrolate TABS 2 MG 65	halobetasol propionate OINT 42
gentamicin sulfate (topical) OINT	39	GLYXAMBI 15	HALOG OINT 42
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GNP PRENATAL TABS 58	haloperidol decanoate 30
GENVOYA	31	GNP TRUETRACK SMART	haloperidol lactate CONC 30
GILOTrif	25		haloperidol lactate SOLN 30
			haloperidol TABS 30
			HAVRIX 68
			HEMANGEOL SOLN OR 34
			heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11

HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	
HEPLISAV-B SOSY	68	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	
HEPSERA (adefovir dipivoxil)	33		hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	
HUMATROPE CART IJ	46	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .3		hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6	
HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7	
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7	
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	42	
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % ..		
HUMIRA PSKT	3	42		
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	42	
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone acetate (rectal)	7	
HYCAMTIN CAPS	29	hydrocortisone butyrate CREA	42	
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone butyrate OINT	42	
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone butyrate SOLN	43	
hydrochlorothiazide CAPS	45	hydrocortisone TABS	37	
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 45		hydrocortisone valerate CREA	43	
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	45	hydrocortisone valerate OINT	43	
hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone w/acetic acid	61	
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .38		hydromorphone hcl LIQD	5	
hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .5		
		hydromorphone hcl TABS	5	
			IFEX SOLR	23
			ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
			ifosfamide SOLR	23
			IFOSFAMIDE SOLR	23

imatinib mesylate	27	INSULIN ASPART	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	56
IMBRUVICA CAPS 140 MG	27	PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	ISOLYTE-S	56
IMBRUVICA CAPS 70 MG	27	INSULIN ASPART SOLN IJ	isoniazid SOLN	23
IMBRUVICA SUSP	27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH	isoniazid SYRP	23
IMBRUVICA TABS	27	SOPN	isoniazid TABS	23
IMFINZI	24	INSULIN DEGLUDEC SOLN	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	7
imipenem-cilastatin IV	21	INTELENCE 100 MG (etravirine) ..	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
imipramine hcl TABS	14	INTELENCE 200 MG (etravirine) ..	35	
imipramine pamoate	14	INTELENCE 25 MG	isosorbide mononitrate TABS	7
imiquimod 5 %	43	INTRAROSA	isosorbide mononitrate TB24	7
IMLYGIC	28	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
IMPAVIDO	21	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	40 MG	39
INCRELEX	46	IOPIDINE	isradipine CAPS	34
INCRUSE ELLIPTA	9	IPOL INACTIVATED IPV	itraconazole CAPS	18
indapamide TABS 1.25 MG	45	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	itraconazole SOLN	18
indapamide TABS 2.5 MG	45	59	ivermectin (pediculicide)	43
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	ivermectin	7
indomethacin CPCR	4	59	IXEMPRA KIT 15 MG	28
INFED	50	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	IXEMPRA KIT 45 MG	28
INFLECTRA	48	9	JAKAFI	27
INGREZZA CAPS	63	ipratropium-albuterol SOLN	JANUMET TABS	15
INGREZZA CPPK	63	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
INLYTA	24	irbesartan	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
INREBIC	27	irbesartan-hydrochlorothiazide ..	JANUVIA	15
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16	20	JARDIANCE	16
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	IRESSA (gefitinib)	JEVTANA	28
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	16	25	JULUCA	31
		irinotecan hcl 300 MG/15ML	KADCYLA	25
		29	KALETRA SOLN (lopinavir-ritonavir) ..	
		irrigation solutions, physiological ..		
		57		
		ISENTRESS CHEW		
		31		
		ISENTRESS HD TABS		
		31		
		ISENTRESS PACK		
		31		
		ISENTRESS TABS		
		31		

31	52	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12
KALETRA TABS (lopinavir-ritonavir) . 31	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC52	lacosamide TABS12
KALYDECO TABS64	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	lactated ringer's (irrigation)57
KAMELEON LUBRICATED MISC .52	KIMONO PS LUBRICATED MISC .52	lactated ringer's56
KANJINTI25	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	lactic acid (ammonium lactate) CREA43
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)56	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %43
KEPIVANCE 6.25 MG28	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	lactulose (encephalopathy)48
KESIMPTA63	KIMONO SPECIAL DEVI52	lactulose SOLN51
ketoconazole (topical) CREA40	KINRIX SUSY65	lamivudine (hbv) TABS33
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .40	KISQALI27	lamivudine SOLN31
ketoconazole18	KISQALI FEMARA 200 DOSE26	lamivudine TABS 150 MG31
KETONE STRP44	KISQALI FEMARA 400 DOSE26	lamivudine TABS 300 MG31
KETONE TEST STRIPS STRP44	KISQALI FEMARA 600 DOSE26	lamivudine-zidovudine31
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ...4	KLARITY-A60	lamotrigine CHEW 25 MG12
ketorolac tromethamine (ophth) ...61	KOSELUGO27	lamotrigine CHEW 5 MG12
ketorolac tromethamine TABS4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS58	lamotrigine TABS12
KETOSTIX STRP44	KRINTAFEL22	lamotrigine TBDP12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 61	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI52	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)35
KEVZARA SOAJ3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...52	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)35
KEVZARA SOSY3	KYPROLIS27	lansoprazole CPDR 15 MG65
KEYTRUDA25	labetalol hcl SOLN33	lansoprazole CPDR 30 MG65
KHAPZORY28	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 33	lanthanum carbonate CHEW48
KIMONO COLORS DEVI52	labetalol hcl TABS 300 MG33	lapatinib ditosylate27
KIMONO LUBRICATED MISC52	LASTACRAFT61	latanoprost SOLN61
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC52	leflunomide4	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG57
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	labeledol hcl57	

lenalidomide 20 MG	56	18	lidocaine hcl GEL 2 %	43
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	24	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lidocaine hcl PRSY	43
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	lidocaine hcl SOLN	43
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	lidocaine PTCH 5 %	43
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	lidocaine-prilocaine CREA	43
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin SOLN OR	lincomycin hcl	22
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	linezolid SUSR	22
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	linezolid TABS	22
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin TABS 500 MG	LINZESS	48
letrozole	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS 36	liothyronine sodium SOLN	64
leucovorin calcium SOLR	28	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	liothyronine sodium TABS	64
leucovorin calcium TABS	28	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	
LEUKERAN	23	levonorgestrel-eth estradiol	lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20
LEUKINE SOLR IJ	50	(triphasic)	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	LITHIUM	29
levalbuterol hcl	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	lithium carbonate CAPS	29
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ..	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 36	lithium carbonate TABS	29
levalbuterol tartrate	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	lithium carbonate TBCR	29
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	levotyroxine sodium TABS	LO LOESTRIN FE TABS	36
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16	LEXIVA SUSP	LOKELMA	57
LEVEMIR SOLN	16	LEXIVA TABS (fosamprenavir calcium)	loperamide hcl CAPS	16
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		LIBERTY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	lopinavir-ritonavir SOLN	32
levetiracetam TABS 1000 MG	12	HIGH SOLN	lopinavir-ritonavir TABS	32
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12	LIBTAYO	loratadine CAPS	18
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	loratadine CHEW	18
levetiracetam TB24	12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	loratadine SOLN	18
levobunolol hcl 0.5 %	59	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	loratadine TABS	18
levocetirizine dihydrochloride SOLN		lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	loratadine TBDP	18
		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	lorazepam CONC	8

lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	30	megestrol acetate (appetite)	62
lorazepam TABS 1 MG	8	lurasidone hcl 80 MG	30	megestrol acetate SUSP	25
LORBRENA	27	LYNPARZA TABS	27	megestrol acetate TABS	25
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	LYSODREN	25	MEKINIST TABS 0.5 MG	27
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		mafenide acetate PACK	41	MEKINIST TABS 2 MG	27
losartan potassium	20	magnesium sulfate IJ 50 %	56	MEKTOVI	27
LOTEMAX OINT	60	malathion	43	meloxicam TABS	4
loteprednol etabonate GEL	60	maraviroc TABS 150 MG	32	melphalan	23
loteprednol etabonate SUSP	60	maraviroc TABS 300 MG	32	melphalan hcl	23
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MARPLAN	13	memantine hcl TABS	62
lovastatin TABS 40 MG	19	MARQIBO	28	MENACTRA	66
loxapine succinate	30	MASONATAL TABS	58	MENEST	47
lubiprostone	48	MATULANE	28	MENOSTAR PTWK	47
LUCEMYRA	62	MAXIDEX SUSP OP	60	MENQUADFI	66
luliconazole	40	MAXX LUBRICATED MISC	52	MENVEO SOLR	66
LUMIZYME	46	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUMOXITI	25	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	meclofenamate sodium CAPS	4	meprobamate	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25	MEDROL TABS	37	mercaptopurine TABS	24
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	37	meropenem	21
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 46		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	37	mesalamine CP24	48
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	46	medroxyprogesterone acetate 10 MG	62	mesalamine CPDR	48
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	46	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	62	mesalamine ENEM	48
		mefenamic acid CAPS	4	mesalamine SUPP	48
		mefloquine hcl	22	mesalamine TBEC 1.2 GM	48
				mesalamine TBEC 800 MG	48
				mesna SOLN	28
				MESNEX SOLN (mesna)	28

metaxalone 800 MG	59	methyldopa TABS	20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	21
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	1	metoprolol succinate TB24 200 MG 34	
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	34
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	34
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CPCR	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	34
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl SOLN	2	metronidazole (topical) CREA	43
methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 43	
METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ..	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	43
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole (topical) LOTN	43
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole TABS	21
methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole vaginal	69
methadone hcl TABS 5 MG	5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	mexiletine hcl	8
methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	micafungin sodium	18
methamphetamine hcl	1	methylphenidate PTCH	2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	69
methazolamide TABS	45	methylprednisolone acetate SUSP 37		midodrine hcl	69
methenamine hippurate	22	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	38	miglitol	15
methimazole TABS	64	methylprednisolone TABS	38	miglustat	49
METHITEST TABS	7	methylprednisolone TBPK	38	minocycline hcl CAPS	64
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	59	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	48	minocycline hcl TABS	64
METHOTREXATE	2	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	48	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24	metoclopramide hcl TABS	48	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	50
methotrexate sodium SOLR	24	metolazone	45	mirtazapine TABS 15 MG	13
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	mirtazapine TABS 30 MG	13
methoxsalen rapid	41				
methscopolamine bromide	65				
methsuximide	13				

mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	MG/ML, 1 MG/ML	5	naftifine hcl CREA 2 %	40
mirtazapine TBDP 15 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 10		NAGLAZYME	46
mirtazapine TBDP 30 MG	13	MG/5ML	5	nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP 45 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 20		naloxone hcl LIQD	17
misoprostol	66	MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	
mitomycin SOLR IV 20 MG	26	morphine sulfate TABS 15 MG	5	MG/10ML	17
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	26	morphine sulfate TABS 30 MG	5	naltrexone hcl	17
M-M-R II SOLR	68	morphine sulfate TBCR	5	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4
M-NATAL PLUS TABS	58	MOTOFEN	17	naproxen SUSP	4
modafinil 100 MG	2	MOVANTIK	48	naproxen TABS	4
modafinil 200 MG	2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 60		naproxen TBEC 500 MG	4
MODERNA COVID-19 VACCINE		moxifloxacin hcl in sodium chloride		naratriptan hcl	55
SUSP	68	47		NATACYN	60
MODERNA COVID-19		moxifloxacin hcl TABS	47	NATAZIA	36
VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	68	MOZOBIL (plerixafor)	50	nateglinide	16
MODERNA COVID-19 VACCINE6-		MULPLETA	50	NAYZILAM	11
11Y SUSP	68	MULTI PRENATAL TABS	58	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	
MODERNA COVID-19		mupirocin OINT	39	34	
VACCINE6MO-5Y SUSP	68	MVASI	24	nebivolol hcl 20 MG	34
moexipril hcl	20	MYALEPT	46	NEBUSAL NEBU	38
mometasone furoate (nasal) SUSP		mycophenolate mofetil CAPS	57	nefazodone hcl	14
59		mycophenolate mofetil TABS	57	nelarabine	24
mometasone furoate CREA	43	mycophenolate sodium	57	neomycin sulfate TABS	2
mometasone furoate OINT	43	MYLERAN TABS	23	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	60
mometasone furoate SOLN	43	MYLOTARG	25	neomycin-polymy-dexameth OINT	60
montelukast sodium CHEW	9	nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	
montelukast sodium PACK	9	nadolol TABS 20 MG	34	60	
montelukast sodium TABS	9	nadolol TABS 40 MG	34	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	60
morphine sulfate CP24 20 MG, 30		nadolol TABS 80 MG	34	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	
MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5	nafcillin sodium IV 10 GM	62	61	
morphine sulfate SOLN IJ 0.5		naftifine hcl CREA 1 %	40	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	
				61	

NEONATAL COMPLETE TABS	120	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	64	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	46
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10					
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-					
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2					
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	58				
NEONATAL PLUS TABS	58	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	63	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	46
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	58	NICOTROL INHALER INHA	64	norelgestromin-ethinyl estradiol	37
NEONATAL VITAMIN TABS	58	NICOTROL NS SOLN	64	norethrin acet & estrad-fe CAPS	37
neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nifedipine CAPS 10 MG	34	norethrin acet & estrad-fe CHEW	37
NEO-SYNALAR	39	nifedipine CAPS 20 MG	34	norethrin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	37
NEUPRO	29	nifedipine TB24	34	norethindrone & eth estradiol	37
NEVANAC	61	nilutamide	25	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	37
nevirapine SUSP	32	nimodipine CAPS	34	norethindrone (contraceptive)	37
nevirapine TABS	32	NINLARO	27	norethindrone acet & eth estra	37
nevirapine TB24 100 MG	32	NIPENT	28	norethindrone acetate TABS	62
nevirapine TB24 400 MG	32	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	34	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	47
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	65	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	37
NEXTSTELLIS	37	nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG	46	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	37
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	NITRO-BID OINT	7		
niacin CPCR 250 MG, 500 MG ..	70	nitrofurantoin	22		
niacin TABS	70	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22		
niacin TBCR	70	nitrofurantoin monohyd macro	22		
NIACIN TR TBCR	70	nitroglycerin CPCR	8		
niacinamide TABS 100 MG	70	nitroglycerin PT24	8		
niacinamide TABS 500 MG	70	NITROGLYCERIN SOLN IV	8		
nicardipine hcl CAPS	34	nitroglycerin SUBL	8		
nicardipine hcl SOLN	34	NIVA-PLUS TABS	58		
nicotine MISC XX	63	nizatidine CAPS	65		
nicotine polacrilex GUM	63	nizatidine SOLN	65		
nicotine polacrilex LOZG	63				

NORVIR TABS (ritonavir)	32	nystatin-triamcinolone CREA	40	ONCASPAR	28
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	44	nystatin-triamcinolone OINT	40	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .	
NOVAREL IM 10000 UNIT	46	octreotide acetate SOLN	47	17	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ODEFSEY	32	ondansetron hcl SOLN OR 4	
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	ODOMZO	25	MG/5ML	17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	OFEV	64	ondansetron hcl SOSY	17
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (ophth)	60	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ofloxacin (otic)	61	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
NOVOLIN R SOLN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18	OGIVRI	25	ondansetron TBDP 4 MG	17
NP THYROID 120 TABS	65	olanzapine SOLR	30	ondansetron TBDP 8 MG	17
NP THYROID 15 TABS	65	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	30	ONE VITE WOMENS	
NP THYROID 30 TABS	65	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15		PRENATALVITAMIN PLUS TABS .58	
NP THYROID 60 TABS	65	MG, 20 MG	30	ONE VITE WOMENS	
NP THYROID 90 TABS	65	olanzapine TBDP 20 MG	30	PRENATALVITAMIN TABS	58
NUBEQA	26	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15		ONETOUCH VERIO LEVEL 4	
NUCALA SOAJ	8	MG	30	CONTROL SOLUTION LIQD	54
NUCALA SOLR	8	olmesartan medoxomil	20	ONIVYDE	29
NUCALA SOSY 100 MG/ML	8	olmesartan medoxomil-amlodipine-		OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML,	
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8	hydrochlorothiazide	21	240 MG/24ML	25
NUCYNTA ER TB12	5	olmesartan medoxomil-		OPSUMIT	35
NUCYNTA TABS	5	hydrochlorothiazide	21	ORENITRAM TBCR	35
NUEDEXTA	63	olopatadine hcl (nasal)	59	ORILISSA	46
NULOJIX	57	olopatadine hcl 0.1 %	61	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG,	
nystatin (mouth-throat)	57	olopatadine hcl 0.2 %	61	188 MG-150 MG	64
nystatin (topical) CREA	40	omeprazole CPDR	65	ORLADEYO	49
nystatin (topical) OINT	40	omeprazole magnesium CPDR ..	65	orphenadrine citrate TB12	59
nystatin (topical) POWD EX	40	omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate CAPS	33
nystatin TABS	18	omeprazole-sodium bicarbonate		oseltamivir phosphate SUSR	33
		CAPS 1100 MG-20 MG	66	OSMOPREP	51
		OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSPHENA	46

OTEZLA TABS	4	paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML	28	pazopanib hcl	27
OTEZLA TBPK	4	paclitaxel protein-bound particles	28	pediatric multivitamins w/fl CHEW	57
oxacillin sodium IV 10 GM	62	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	30	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	51
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	paliperidone 6 MG	30	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	51
oxandrolone	7	palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	51
oxaprozin TABS	4	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	45	PEGASYS SOLN	33
oxazepam CAPS	8	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45		PEGASYS SOSY	33
OXBRYTA TABS 500 MG	49	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	44	PEMAZYRE	27
oxcarbazepine SUSP	12	PANRETIN	40	pemetrexed disodium SOLR 100 MG 24	
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		penciclovir	41
oxiconazole nitrate CREA	40	paricalcitol CAPS	46	penicillamine CAPS	56
OXISTAT LOTN	40	paricalcitol SOLN	46	penicillamine TABS	56
oxybutynin chloride SOLN	66	paroxetine hcl SUSP	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 62	
oxybutynin chloride TABS 5 MG	66	paroxetine hcl TABS 10 MG	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	62
oxybutynin chloride TB24	66	paroxetine hcl TABS 20 MG	14	PENICILLIN G PROCAINE	62
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5	paroxetine hcl TABS 30 MG	14	penicillin g sodium	62
oxycodone hcl TABS	5	paroxetine hcl TABS 40 MG	14	penicillin v potassium SOLR	62
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillin v potassium TABS	62
oxymorphone hcl TABS	5	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7
oxymorphone hcl TB12 40 MG	5	PASER PACK	23	pentoxifylline	49
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6			perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	20
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16			perindopril erbumine 4 MG	20
OZEMPIC SOPN	16				
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28				

PERJETA	25	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	63	
permethrin CREA	44	phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY	
permethrin LIQD EX	44	phenytoin SUSP	13	SC	63
perphenazine TABS	30	PHEXXI	69	plerixafor	50
perphenazine-amitriptyline	63	PHOSLYRA SOLN	48	PNEUMOVAX 23	66
PERSERIS PRSY	30	PHOTOFRIN	28	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	66
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	68	PIFELTRO	32	podofilox SOLN	43
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	68	pilocarpine hcl (oral)	57	polymyxin b sulfate SOLR	22
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	68	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %	59	polymyxin b-trimethoprim	60
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	68	pimecrolimus	43	POMALYST	26
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68	pimozide	63	PORTRAZZA	25
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	68	pindolol TABS	34	posaconazole SUSP	18
PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	54	pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	56
PHEBURANE PLLT	46	pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	56
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	49	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS	15	potassium chloride CPCR	56
phendimetrazine tartrate TABS	1	piperacillin sodium-tazobactam sodium	62	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	56
phenelzine sulfate	13	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	27	MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	56
phenobarbital ELIX	50	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	27	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	56
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	50	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	56
phenoxybenzamine hcl	20	pirfenidone CAPS	64	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	56
phentermine hcl CAPS	1	pirfenidone TABS 534 MG	64	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	56
phenytoin CHEW	13	piroxicam CAPS	4	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	56
		PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	56	potassium chloride microencapsulated crystals er	56
		PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	56	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	56
		PLEGRIDY SOPN	63	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	
		PLEGRIDY SOSY SC	63		
		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN			

56	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	60	PRENATAL PLUS TABS	58
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 38		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	58
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	prednisolone sodium phosphate TBDP	38	PRENATAL TABS	58
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	prednisolone SOLN	38	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	58
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	prednisolone TABS	38	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	58
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	prednisone SOLN	38	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200	
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	38	MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	58
POTELIGEO	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	38	PRENATRIX TABS	58
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	prednisone TBPK	38	PRENATRYL TABS	58
pralatrexate	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	63	PREPLUS TABS	58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	63	PREVNAR 13	66
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 20	66
prasugrel hcl	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZCOBIX	32
pravastatin sodium	pregabalin SOLN	12	PREZISTA SUSP	32
praziquantel	PREHEVBRIOP	68	PREZISTA TABS (darunavir)	32
prazosin hcl CAPS	PREMARIN	69	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	32
PRECISION XTRA	PREMARIN SOLR	47	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	32
PRED MILD	PREMARIN TABS	47	PRIFTIN	23
PRED-G SUSP	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	52	primaquine phosphate TABS	23
prednicarbate OINT	PREMPHASE	47	primidone 50 MG, 250 MG	12
prednisolone acetate (ophth)	PREMPRO	47	PRIORIX SUSR	68
prednisolone acetate (ophth)	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 58		probenecid	49
	PRENATAL ONE DAILY TABS	58	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML ..	

8	PTS PANELS KETONE TEST44	QVAR REDIHALER	9
prochlorperazine	30	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..9	RA PRENATAL
prochlorperazine maleate TABS ...	30	PULMOZYME	FORMULA/FOLICACID TABS58
PROCIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	RA PRENATAL TABS
PROCIT 40000 UNIT/ML	50	pyrazinamide	58
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	raloxifene hcl	65
PRODIGY CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	54	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	raloxifene hcl
progesterone CAPS	62	pyridostigmine bromide TBCR	46
PROGRAF PACK	57	pyrimethamine	51
PROGRAF SOLN	57	QC PRENATAL TABS	20
PROLASTIN-C SOLN	64	QINLOCK	ranitidine hcl TABS 150 MG
PROLASTIN-C SOLR	64	QUADRACEL SUSP	65
PROLEUKIN	28	QUADRACEL SUSY	ranolazine TB12 1000 MG
PROLIA SOSY	45	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	7
promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	ranolazine TB12 500 MG
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	REABILITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..52	29
promethazine hcl SYRP	18	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52
promethazine hcl TABS	18	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	52
propafenone hcl CP12	8	REBIF REBIDOSE SOAJ	63
propafenone hcl TABS	8	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	63
proparacaine hcl	60	REBIF SOSY	63
propranolol hcl CP24	34	REBIF TITRATION PACK SOSY ..63	63
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	34	RECOMBIVAX HB SUSP	69
propranolol hcl TABS	34	RECOMBIVAX HB SUSY	69
propylthiouracil	64	RECTIV 0.4 % (nitroglycerin (intra- anal))	7
protriptyline hcl	14	REGRANEX	44
quinidine sulfate TABS	8	RELENZA DISKHALER	33
quinine sulfate CAPS 324 MG	23	RELEXXII TBCR 27 MG	2
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...2	2
RELION KETONE TEST STRIPS			

STRP	44	rimantadine hydrochloride TABS ..	33	ROTATEQ SOLN	69
RELION TRUE METRIX		ringer's	56	ROXYBOND TABA 15 MG, 30 MG .	6
BLOODGLUCOSE TEST STRIPS		ringer's irrigation	57	ROZLYTREK CAPS	27
STRP	44	RINVOQ	2	RUBRACA	27
RENFLEXIS	48	risedronate sodium TABS 150 MG	45	rufinamide SUSP	12
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risedronate sodium TABS 35 MG .	45	rufinamide TABS 200 MG	12
repaglinide 2 MG	16	risedronate sodium TABS 5 MG, 30	45	rufinamide TABS 400 MG	12
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		MG	45	RUKOBIA	32
SOCT	19	risedronate sodium TBEC	45	RUXIENCE	25
REPATHA SOSY	19	RISPERDAL CONSTA (risperidone		RYBELSUS TABS	16
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	microspheres)	30	salsalate	4
RETACRIT	50	risperidone microspheres	30	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .	47
RETEVMO	27	risperidone SOLN	30	SANTYL OINT	43
RETROVIR CAPS (zidovudine) ..	32	risperidone TABS	30	sapropterin dihydrochloride PACK	46
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	32	risperidone TBDP	30	sapropterin dihydrochloride TABS	46
RETROVIR SYRP (zidovudine) ..	32	ritonavir TABS	32	SAVELLA TABS	63
REXULTI	30	rivastigmine tartrate CAPS	63	SAVELLA TITRATION PACK MISC	
REYATAZ CAPS 200 MG (atazanavir		rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.55	63	
sulfate)	32	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	55	saxagliptin hcl	15
REYATAZ CAPS 300 MG (atazanavir		rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.55	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-	
sulfate)	32	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	55	2.5 MG	15
REYATAZ PACK	32	roflumilast	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5	
ribavirin (hepatitis c) CAPS	33	romidepsin SOLR	27	MG, 500 MG-5 MG	15
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG		ropinirole hydrochloride TABS ..	29	scopolamine	17
33		ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,		SELECT INSULIN SYRINGES ..	54
RIDAURA	3	4 MG, 6 MG	29	SELECT LANCETS	54
rifabutin	23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,		selegiline hcl CAPS	29
rifampin CAPS	23	12 MG	29	selegiline hcl TABS	29
rifampin SOLR	23	rosuvastatin calcium TABS	19	selenium sulfide LOTN 2.5 % ..	41
RIGHTEST GC300 HIGH CONTROL		ROTARIX SUSP	69	SELZENTRY SOLN	32
LIQD	54	ROTARIX SUSR	69	SELZENTRY TABS 150 MG	
riluzole TABS	59				

(maraviroc)	32	SKYRIZI SOSY	41	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG ..
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	32	SLYND	37	46
SELZENTRY TABS 300 MG		SM PRENATAL VITAMINS TABS .	58	sorafenib tosylate
(maraviroc)	32	SODIUM ACETATE SOLN (sodium		27
SEREVENT DISKUS	10	acetate)	55	SORBITOL 3 %
sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	55	48
sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %		49
sevelamer carbonate PACK	48	38	sotalol hcl (afib/afl)
sevelamer carbonate TABS	48	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9		34
SHINGRIX	69	%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	sotalol hcl TABS 240 MG
SIGNIFOR	47	sodium citrate & citric acid	48	34
sildenafil citrate (pulmonary		sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5		sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,
hypertension) SOLN	35	MG, 1 MG, 2.2 MG	56	160 MG
sildenafil citrate (pulmonary		sodium phenylbutyrate POWD	46	34
hypertension) SUSR	35	sodium phenylbutyrate TABS	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE
sildenafil citrate (pulmonary		sodium polystyrene sulfonate POWD		SUSP
hypertension) TABS	35	57	69	
sildenafil citrate	35	sodium polystyrene sulfonate SUSP		SPIKEVAX COVID-19
silodosin	49	OR 15 GM/60ML	57	VACCINE/2023-24 SUSP
silver sulfadiazine	41	sodium sulfate-potassium sulfate-		69
SIMPONI ARIA SOLN	3	magnesium sulfate	51	SPIKEVAX COVID-19
SIMULECT	57	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS		VACCINE/2023-24 SUSY
simvastatin TABS	19	33	69
sirolimus TABS	57	solifenacin succinate TABS	66	spinosad
SIRTURO	23	SOLIQUA 100/33	15	44
SIVEXTRO TABS	22	SOLOSEC	2	SPIRIVA HANDIHALER CAPS
SKYRIZI PEN SOAJ	41	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,		(tiotropium bromide monohydrate) ..9
SKYRIZI PSKT	41	1000 MG	38	SPIRIVA RESPIMAT AERS
SKYRIZI SOCT	48	SOLU-CORTEF 250 MG	38	9
		SOLU-MEDROL 2 GM	38	spironolactone & hydrochlorothiazide
		54	
		SOLUS V2 CONTROL HIGH SOLN		45
		54		spironolactone TABS
				45
				SPRAVATO 56MG DOSE
				13
				SPRAVATO 84MG DOSE
				13
				SPRYCEL
				27
				stannous fluoride CONC
				57
				stavudine CAPS
				32
				STELARA 130 MG/26ML
				48
				STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ..
				41
				STELARA SOSY 90 MG/ML ..
				41
				STENDRA
				35
				STIMATE SOLN NA
				47

STIOLTO RESPIMAT	10	SULFAMYLYON CREA	41	MG	15
STIVARGA	27	sulfasalazine TABS	48	SYNRIBO	28
streptomycin sulfate SOLR	2	sulfasalazine TBEC	48	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	65
STRIBILD	32	sulindac TABS	4	TABLOID	24
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan	55	TABRECTA	27
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate SOAJ	55	tacrolimus (topical) OINT	43
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG ..	6	sumatriptan succinate SOCT	55	tacrolimus CAPS	57
SUBSYS LIQD 800 MCG	6	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	55	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	35
sucralfate SUSP	65	sumatriptan succinate TABS	55	tadalafil 5 MG	35
sucralfate TABS	65	sumatriptan-naproxen sodium	54	TAFINLAR CAPS	27
sulconazole nitrate CREA	40	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tafluprost	61
sulconazole nitrate SOLN	40	SUNLENCA TBPK	32	TAGRISSO 40 MG	25
sulfacetamide sodium (acne)	39	SUNOSI 150 MG	1	TAGRISSO 80 MG	25
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN ..	60	SUNOSI 75 MG	1	TAKHZYRO SOLN	49
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	39	SUSTIVA CAPS 200 MG (efavirenz)	32	TAKHZYRO SOSY	49
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	39	SUSTIVA CAPS 50 MG (efavirenz)	32	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	27
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	39	SUSTIVA TABS (efavirenz)	32	tamoxifen citrate TABS	26
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	39	SYMFI (efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	32	tamsulosin hcl	49
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYMFI LO (efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	32	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27
sulfadiazine TABS	64	SYMTUZA	32	TASIGNA 50 MG	27
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	SYNAREL	46	TASMAR (tolcapone)	29
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	SYNERA PTCH	43	tavaborole	40
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA	41
		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TAZVERIK	27
		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25		TECENTRIQ 1200 MG/20ML	25
				TEFLARO	36
				TEGRETOL SUSP (carbamazepine) ..	12

TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	theophylline SOLN	10	60	
12	theophylline TB12	10	TODAY SPONGE MISC	69
TEGSEDI	theophylline TB24	10	tolcapone	29
telmisartan	THERANATAL CORE NUTRITION		tolmetin sodium CAPS	4
telmisartan-amlodipine	TABS	58	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
telmisartan-hydrochlorothiazide	THIOLA EC TBEC 100 MG	49	TOLSURA CAPS	18
temazepam 15 MG, 30 MG	THIOLA EC TBEC 300 MG	49	tolterodine tartrate CP24	66
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	thioridazine hcl	30	tolterodine tartrate TABS	66
TEMODAR SOLR	thiotepa 100 MG	23	tolvaptan TABS	47
temozolomide CAPS	thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 15 MG	12
temsirolimus	thiothixene	31	topiramate CPSP 25 MG	12
tenofovir disoproxil fumarate TABS	THYMOGLOBULIN	57	topiramate CS24	12
32	THYROGEN 0.9 MG	44	topiramate TABS 200 MG	12
TEPADINA 100 MG (thiotepa)	tiagabine hcl	12	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12
terazosin hcl	TIBSOVO	27	topiramate TABS 50 MG	12
terbinafine hcl TABS	TICE BCG	28	topotecan hcl SOLN	29
terbutaline sulfate SOLN	tigecycline	64	TOPOTECAN HCL SOLN	29
terbutaline sulfate TABS	timolol maleate (ophth) SOLG	59	topotecan hcl SOLR	29
terconazole vaginal CREA	timolol maleate (ophth) SOLN	59	toremifene citrate	26
terconazole vaginal SUPP	timolol maleate TABS	34	torsemide TABS	45
teriflunomide	tiotropium bromide monohydrate		TRACLEER TBSO	35
teriparatide (recombinant) SOPN	CAPS	9	tramadol hcl TABS 50 MG	6
TERIPARATIDE SOPN	TIVICAY PD TBSO	32	tramadol hcl TB24	6
TESTOSTERONE CYPIONATE	TIVICAY TABS	32	tramadol-acetaminophen	6
SOLN IJ 200 MG/ML	tizanidine hcl CAPS	59	trandolapril 1 MG, 2 MG	20
testosterone cypionate SOLN IM	tizanidine hcl TABS	59	trandolapril 4 MG	20
testosterone enanthate SOLN IM	tobramycin (ophth) SOLN	60	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	
tetrabenazine	tobramycin NEBU	2	MG, 240 MG-1 MG	21
tetracycline hcl CAPS	tobramycin sulfate SOLN IJ 10		trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
THALOMID	MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	MG, 240 MG-4 MG	21
theophylline ELIX	tobramycin-dexamethasone SUSP		tranexamic acid SOLN 1000	

MG/10ML50	OINT 0.025 %, 0.1 %	43	tropicamide SOLN 1 %	59
tranexamic acid TABS	50	triamcinolone acetonide (topical)		trospium chloride CP24	66
tranylcypramine sulfate	13	OINT 0.5 %	43	trospium chloride TABS	66
travoprost SOLN	61	triamcinolone acetonide SUSP 40		TRUE METRIX BLOOD	
		MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML		GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	44
TRAZIMERA	25		38	TRUE METRIX CONTROL	
				SOLUTION LEVEL 3 SOLN	54
trazodone hcl TABS	14	triamcinolone acetonide-dimethicone-		TRUEPLUS PEN NEEDLES	
TRECATOR	23	silicone	43	31GX5MM	54
TRELEGY ELLIPTA	10	triamterene & hydrochlorothiazide		TRUETRACK TEST STRP	44
TRELSTAR MIXJECT	26	CAPS 25 MG-37.5 MG	45	TRULICITY	16
TREMFYA SOPN	41	triamterene & hydrochlorothiazide		TRUSTEX COLOR CONDOMS +	
TREMFYA SOSY	41	TABS	45	LUBE MISC	52
treprostinil SOLN IJ	35	triamterene CAPS	45	TRUSTEX LUBRICATED	
tretinoin (chemotherapy)	28	triazolam	51	EXTRALARGE MISC	53
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	%	tricicare TABS	58	TRUSTEX LUBRICATED	
	39	trientine hcl 250 MG	56	EXTRASTRENGTH MISC	53
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	39	trifluoperazine hcl TABS	30	TRUSTEX LUBRICATED MISC ..	53
tretinoin microsphere 0.1 %	39	trifluridine	60	TRUSTEX	
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10		trihexyphenidyl hcl SOLN	29	LUBRICATED/RIBBED/STUDDED	
MG, 15 MG	24	trihexyphenidyl hcl TABS	29	MISC	53
triamcinolone acetonide (mouth)	57	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-		TRUSTEX	
triamcinolone acetonide (nasal)		12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	
AERO	59	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10		LARGE MISC	53
triamcinolone acetonide (topical)		MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX	
CREA 0.025 %	43	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .	64	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	
triamcinolone acetonide (topical)		trimethobenzamide hcl CAPS	17	STRENGTH MISC	53
CREA 0.1 %	43	trimethoprim TABS	21	TRUSTEX	
triamcinolone acetonide (topical)		trimipramine maleate CAPS	14	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
CREA 0.5 %	43	TRINTELLIX	14	TRUSTEX NATURAL CONDOMS	
triamcinolone acetonide (topical)		TRIUMEQ PD TBSO	32	+LUBE/LUBRICATED MISC	53
LOTN 0.025 %	43	TRIUMEQ TABS	32	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-	
triamcinolone acetonide (topical)		TRIZIVIR	32	9/RIBBED/STUDDED MISC	53
LOTN 0.1 %	43	tropicamide SOLN 0.5 %	59	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	
triamcinolone acetonide (topical)					

TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	35	VELPHORO	48
		ursodiol CAPS	48
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53	ursodiol TABS	48
		UVADEX	28
TRUVADA (emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate)	32	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG	33
TRUXIMA	25	valacyclovir hcl 500 MG	33
TUKYSA	25	valganciclovir hcl TABS	33
TURALIO	27	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	13
TUZISTRA XR	38	valproic acid CAPS	13
TWINRIX SUSY	69	valrubicin	26
TWIRLA	37	valsartan TABS	20
TYBLUME CHEW	37	valsartan-hydrochlorothiazide	21
TYBOST	32	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11
TYMLOS	46	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	11
TYVASO REFILL SOLN IN	35	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	11
TYVASO SOLN IN	35	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11
TYVASO STARTER SOLN IN	35	vancomycin hcl CAPS	22
UBRELVY	54	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	22
UCERIS (budesonide (intrarectal))	7	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	22
UDENYCA SOAJ	50	VAQTA	69
UDENYCA SOSY	50	varenicline tartrate TABS	64
ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS		varenicline tartrate TBPK	64
CONTAIN	54	VARIVAX INJ	69
UNISTRIP CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	54	VARUBI TBPK	17
UPTRAVI TABS 200 MCG	35	VAXNEUVANCE	66
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	35	VECAMYL	21
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK		VECTIBIX 100 MG/5ML	25
		VECTIBIX 400 MG/20ML	25
		VIRACEPT TABS 250 MG	32
		VIRACEPT TABS 625 MG	32
		VIRAMUNE XR TB24 400 MG (nevirapine)	32
		VIREAD POWD	32

VIREAD TABS (tenofovir disoproxil fumarate)	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XTAMPZA ER	6
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XTANDI CAPS	26
VISTOGARD	17	XALKORI CAPS	28	XTANDI TABS 40 MG	26
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	10	XTANDI TABS 80 MG	26
VITATHELY/GINGER TABS	58	XARELTO SUSR	10	XULTOPHY 100/3.6	15
VITRAKVI CAPS	28	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YEROVY	25
VITRAKVI SOLN	28	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	YONDELIS	24
VIVIMUSTA SOLN	24	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YONSA	26
VIZIMPRO	25	XELJANZ SOLN	2	zafirlukast	9
VORAXAZE	28	XELJANZ TABS 10 MG	2	zaleplon 10 MG	51
voriconazole TABS	18	XELJANZ TABS 5 MG	2	zaleplon 5 MG	51
VOTRIENT (pazopanib hcl)	28	XELJANZ XR TB24	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VYNDAMAX	35	XEOMIN	59	ZANOSAR	24
VYNDAQEL	35	XGEVA SOLN	46	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) ..	13
VYVANSE CAPS	1	XHANCE EXHU	59	ZARXIO	50
VYXEOS	26	XIFAXAN 200 MG	21	ZEJULA CAPS	28
warfarin sodium TABS	10	XIFAXAN 550 MG	21	ZELBORAF	28
water for irrigation, sterile	57	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000	
WESTAB PLUS TABS	58	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	44
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	53	XOLAIR SOLR	8	ZIAGEN SOLN (abacavir sulfate) ..	33
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	53	XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8	ZIAGEN TABS (abacavir sulfate) ..	33
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	53	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8	zidovudine CAPS	33
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	53	XOSPATA	28	zidovudine SYRP	33
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	53	XPOVIO	26	zidovudine TABS	33
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	53	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26			
		XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26			

ZIEXTENZO	50
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	30
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	60
ZOLADEX 10.8 MG	26
ZOLADEX 3.6 MG	26
zoledronic acid CONC	46
zoledronic acid SOLN	46
ZOLINZA	28
zolmitriptan SOLN	55
zolmitriptan TABS	55
zolmitriptan TBDP	55
zolpidem tartrate TABS	51
zolpidem tartrate TBCR	51
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	49
ZORBTIVE SC	46
ZYDELIG	28
ZYLET	60

Ambetter from Sunshine Health is underwritten by Celtic Insurance Company, which is a Qualified Health Plan issuer in the Florida Health Insurance Marketplace.
This is a solicitation for insurance.

© 2023 Celtic Insurance Company. All rights reserved.